

Số: 1606 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 23 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh
Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2013 của Bộ Công an quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xây dựng phong trào và phụ trách xã về ANTT;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCA ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công an quy định việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái thông qua Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoản Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 1411/TTr-CAT-PX01 ngày 05 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu đề án

- Điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã được thực hiện theo mô hình bố trí tối thiểu 03 Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Trưởng Công an xã (TCAX), Phó trưởng Công an xã (PTCAX) và 01 Công an viên thường trực (CAVTT) là Công an chính quy; các chức danh còn lại là lực lượng không chuyên trách tại địa bàn xã, thị trấn để làm nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại cơ sở. Đối với những xã, thị trấn phức tạp về an ninh, trật tự có thể bố trí số lượng Công an chính quy nhiều hơn.

- Phân đầu đến hết năm 2021, toàn bộ 160 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh được điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã (*hiện có 167 xã, thị trấn giảm xuống còn 160 xã, thị trấn theo Đề án sáp nhập 14 đơn vị hành chính xã*); đến hết 2025, toàn bộ 160 Công an xã, thị trấn chính quy có trụ sở làm việc độc lập.

2. Lộ trình, phương án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã

Tổng số Công an chính quy điều động trong 03 năm (2019 – 2021) tại 160 xã, thị trấn là **480** người, cụ thể như sau:

2.1. Năm 2019

Điều động Công an chính quy tại **33** xã, thị trấn, trong đó:

- 19 xã chưa có Trưởng CAX (không bố trí TCAX đối với 02 xã trong đề án sáp nhập các xã, thị trấn chưa đủ tiêu chí theo quy định);

- 06 xã hiện đang bố trí kiêm nhiệm TCAX (không bố trí TCAX đối với 01 xã trong đề án sáp nhập các xã, thị trấn chưa đủ tiêu chí theo quy định);

- 08 xã thực hiện điều động hoặc cho nghỉ chế độ đối với TCAX).

Với tổng số với **99** người (33 TCAX, 33 PTCAX, 33 CAVTT), bao gồm:

- Văn Chấn 09 xã (Suối Bu, Nậm Lành, Phúc Sơn, Sùng Đô, Sơn Lương, Chấn Thịnh, Cát Thịnh, An Lương và Thượng Bằng La): 27 người.

- Mù Cang Chải 07 xã (La Pán Tản, Dế Xu Phình, Chế Cu Nha, Lao Chải, Khao Mang, Cao Phạ và Nậm Cót): 21 người.

- Yên Bình 06 xã (Cắm Ân, Vũ Linh, Vĩnh Kiên, Xuân Long, Phúc An và Yên Thành): 18 người.

- Trạm Tấu 03 xã (Túc Đán, Làng Nhì, Phình Hồ): 09 người.

- Lục Yên 01 xã (Lâm Thượng): 03 người.

- Trấn Yên 07 xã (Tân Đông, Hòa Công, Nga Quán, Vân Hội, Việt Hồng, Báo Đáp và thị trấn Cổ Phúc): 21 người.

2.2. Năm 2020

Điều động Công an chính quy tại **40** xã, thị trấn với **120** người tại các xã thực hiện điều động hoặc nghỉ chế độ đối với TCAX (40 Trưởng CAX, 40 Phó Trưởng CAX, 40 CAVTT), bao gồm:

- Văn Yên 20 xã (Lâm Giang, Lang Thíp, Mỏ Vàng, Phong Dụ Thượng, Đông An, An Bình, Đông Công, Ngòi A, An Thịnh, Tân Hợp, Viễn Sơn, Nà Hâu, Châu Quế Hạ, Phong Dụ Hạ, Xuân Tầm, Yên Hợp, Quang Minh, Yên Phú, Đại Phác và thị trấn Mậu A): 60 người.

- Văn Chấn 06 xã (Hạnh Sơn, Sơn Thịnh, Tân Thịnh, Đồng Khê, Tú Lệ và thị trấn Nông Trường Nghĩa Lộ): 18 người.

- Lục Yên 04 xã (Khánh Thiện, Trung Tâm, Tân Phương và thị trấn Yên Thế): 12 người.

- Trấn Yên 04 xã (Hồng Ca, Hưng Khánh, Minh Quán và Quy Mông): 12 người.

- Yên Bình 04 xã (Tân Nguyên, Đại Minh, Cảm Nhân và thị trấn Yên Bình): 12 người.

- Trạm Tấu 01 xã (Pá Lau): 03 người.

- Mù Cang Chải 01 xã (Chế Tạo): 03 người.

2.3. Năm 2021

Điều động Công an chính quy tại **87** xã, thị trấn còn lại với **261** người (87 Trưởng CAX, 87 Phó Trưởng CAX, 87 CAVTT), cụ thể là:

- Lục Yên 19 xã: 57 người.

- Văn Chấn 16 xã: 48 người.

- Yên Bình 14 xã: 42 người.

- Trấn Yên 10 xã: 30 người.

- Trạm Tấu 08 xã: 24 người.

- Mù Cang Chải 06 xã: 18 người.

- Văn Yên 05 xã: 15 người.

- Thị xã Nghĩa Lộ: 03 xã với 09 người.

- Thành phố Yên Bái: 06 xã với 18 người.

Trong quá trình thực hiện theo giai đoạn trên, các xã chưa điều động Công an chính quy thì lực lượng Công an xã bán chuyên trách vẫn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Pháp lệnh Công an xã.

3. Phương án sắp xếp đối với Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực khi điều động Công an chính quy

3.1. Quan điểm bố trí, sắp xếp

3.1.1. Đối với Trưởng Công an xã

- Trường hợp đã bố trí cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã thì cho thôi giữ chức danh kiêm nhiệm.

- Những trường hợp có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp được UBND cấp huyện có phương án bố trí, sắp xếp sang đảm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã còn thiếu.

- Những trường hợp có nguyện vọng nghỉ công tác thì giải quyết hưởng chế độ, chính sách theo Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 10/4/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động thôi việc theo nguyện vọng.

3.1.2. Đối với chức danh Phó Trưởng Công an xã, Công an viên thường trực

Được xem xét để tiếp tục làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Trong trường hợp không bố trí, sắp xếp được sẽ kết thúc nhiệm vụ theo lộ trình điều động Công an xã chính quy, được hưởng chính sách bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách khác (nếu có) theo quy định; Được hưởng chính sách hỗ trợ khi nghỉ việc theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoản Quỹ phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3.2. Phương án bố trí, sắp xếp

Tổng số Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an, Công an viên thường trực cần sắp xếp giai đoạn 2019-2021 là **326** người, cụ thể như sau:

3.2.1. Năm 2019 là 54 người

- Trưởng CAX 08 người (nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND: 04 người; nghỉ hưu: 02 người; bố trí, sắp xếp công tác khác: 02 người).

- Phó Trưởng CAX 39 người, CAV thường trực 07 người.

- Từng địa phương cụ thể như sau:

+ Trấn Yên: 07 người (TCAX 01, PTCAX 06).

+ Văn Chấn: 12 người (TCAX 02, PTCAX 10).

- + Trạm Tầu: 06 người (TCAX 01, PTCAX 05).
- + Mù Cang Chải: 18 người (PTCAX 11, CAVTT 07).
- + Yên Bình: 10 người (TCAX 04, PTCAX 06).
- + Lục Yên: 01 người (PTCAX 01).

3.2.2. Năm 2020 là 85 người

- Trưởng CAX 41 người (nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND: 04 người; nghỉ hưu: 05 người; bố trí, sắp xếp công tác khác: 32 người).

- Phó Trưởng CAX 39 người, CAVTT 05 người.

- Từng địa phương cụ thể như sau:

- + Trấn Yên: 07 người (TCAX 04, PTCAX 03).
- + Trạm Tầu: 02 người (TCAX 01, PTCAX 01).
- + Yên Bình: 10 người (TCAX 05, PTCAX 05).
- + Văn Chấn: 13 người (TCAX 06, PTCAX 07).
- + Văn Yên: 41 người (TCAX 20, PTCAX 17, CAVTT 04).
- + Lục Yên: 08 người (TCAX 04, PTCAX 04).
- + Mù Cang Chải: 04 người (TCAX 01, PTCAX 02, CAVTT 01).

3.2.3. Năm 2021 là 187 người

- Trưởng CAX 90 người (nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: 05 người; nghỉ hưu: 02 người; bố trí, sắp xếp công tác khác: 83 người)

- Phó Trưởng CAX 83 người, CAV thường trực 14 người.

- Từng địa phương cụ thể như sau:

- + Trạm Tầu: 16 người (TCAX 08, PTCAX 08).
- + Nghĩa Lộ: 07 người (TCAX 03, PTCAX 03, CAVTT 01).
- + Văn Chấn: 31 người (TCAX 16, PTCAX 14, CAVTT 01).
- + Trấn Yên: 18 người (TCAX 10, PTCAX 08).
- + Văn Yên: 15 người (TCAX 07, PTCAX 07, CAVTT 01).
- + Lục Yên: 36 người (TCAX 19, PTCAX 16, CAVTT 01).
- + Mù Cang Chải: 18 người (TCAX 06, PTCAX 06, CAVTT 06).
- + Yên Bình: 27 người (TCAX 14, PTCAX 13).
- + Thành phố Yên Bái: 19 người (TCAX 07, PTCAX 08, CAVTT 04).

4. Phương án bố trí trụ sở và kinh phí thực hiện

4.1. Phương án bố trí trụ sở

a) Phương án sử dụng lại: 49 trụ sở (các trường học, trạm y tế, trụ sở xã... đôi dư).

b) Phương án tiếp tục sử dụng (hiện Công an cấp huyện đang quản lý sử dụng, sẽ bàn giao cho Công an xã theo lộ trình): 25 trụ sở, trong đó:

- Đã đầu tư: 20 trụ sở (10 trụ sở đã có kế hoạch đầu tư theo Thông báo số 2625/UBND-XD và 10 trụ sở đã xây dựng Quyết định số 2804/QĐ-UBND năm 2016 của UBND tỉnh)

- Được UBND huyện, Công an huyện đầu tư: 5 trụ sở

c) Phương án xây mới: 86 trụ sở giai đoạn 2020-2025 (trong đó năm 2020 xây dựng 16 trụ sở, từ năm 2021-2025 mỗi năm xây dựng 14 trụ sở).

4.2. Dự kiến kinh phí đảm bảo thực hiện Đề án

4.2.1. Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất

a) Tổng kinh phí do ngân sách địa phương bố trí và đề nghị Trung ương hỗ trợ một phần đảm bảo cho việc xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho trụ sở Công an xã là: 109.652.000.000đ (một trăm linh chín tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu đồng), bao gồm:

- Kinh phí cải tạo để sử dụng lại 49 trụ sở (sửa chữa trụ sở 2 triệu/m²; mua sắm trang thiết bị làm việc 100 triệu/trụ sở): 12.552.000.000đ.

- Kinh phí mua sắm trang bị 25 trụ sở đã xây dựng (100 triệu/trụ sở): 2.500.000.000đ.

- Xây mới 86 trụ sở là 94.600.000.000đ (xây dựng trụ sở 1 tỷ/1 trụ sở; mua sắm trang thiết bị 100 triệu/trụ sở).

b) Khái toán theo từng địa phương như sau:

- Thành phố Yên Bái: 6 trụ sở (sử dụng lại 4; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2) = 1.434.000.000đ.

- Thị xã Nghĩa Lộ: 3 trụ sở (sử dụng lại 1; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 1; xây mới 1) = 1.550.000.000đ.

- Trấn Yên: 21 trụ sở (sử dụng lại 6; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 4; xây mới 11) = 14.190.000.000đ.

- Văn Yên: 25 trụ sở (sử dụng lại 3; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2; xây mới 20) = 23.000.000.000đ.

- Lục Yên: 24 trụ sở (sử dụng lại 13; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 3; xây mới 8) = 12.406.000.000đ.

- Yên Bình: 24 trụ sở (sử dụng lại 6; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 4; xây mới 14) = 17.420.000.000đ.

- Văn Chấn: 31 trụ sở (sử dụng lại 8; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 5; xây mới 18) = 21.772.000.000đ.

- Trạm Tấu: 12 trụ sở (sử dụng lại 2; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2; xây mới 8) = 9.360.000.000đ.

- Mù Cang Chải: 14 trụ sở (sử dụng lại 6; mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2; xây mới 6) = 8.520.000.000đ.

4.2.2. Kinh phí giải quyết chế độ chính sách

Dự kiến kinh phí chi cho 200 Trưởng Công an, Phó Trưởng công an, Công an viên thường trực đã có phương án đề nghị giải quyết chế độ chính sách giai đoạn 2019-2021 là: 1.117.770.000 đ, trong đó:

a) 13 Trưởng CAX:

- Nghị theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: 11 người = 683.390.000đ (do ngân sách Trung ương đảm bảo).

- Nghị theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND: 02 người = 264.000.000đ (do ngân sách tỉnh đảm bảo).

b) 187 Phó CAX và CAVTT (161 PT CAX, 26 CAVTT)

- Tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, nghỉ hưởng theo chế độ Bảo hiểm xã hội là 187 người (do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả).

- Hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh là 187 người = 853.770.000đ (do ngân sách tỉnh đảm bảo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện Đề án theo lộ trình đã đề ra. Chủ động nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, động viên về tư tưởng; đồng thời có giải pháp phù hợp để khắc phục tình trạng Công an xã bán chuyên trách nghỉ việc khi chưa điều động Công an chính quy, làm ảnh hưởng đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự và giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Làm tốt công tác tuyên truyền, động viên tư tưởng lực lượng Công an xã bán chuyên trách, tạo sự đồng thuận và nhất trí cao với chủ trương điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

- Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, lộ trình thực hiện. Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn xây dựng phương án bố trí, sắp xếp, giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với Trưởng, Phó Trưởng Công an xã và Công an viên theo lộ trình Đề án.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên môi trường, Công an tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở, nơi làm việc, sinh hoạt, các điều kiện cần thiết khác cho lực lượng Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với các chức danh Trưởng, Phó Trưởng Công an xã và Công an viên theo lộ trình thực hiện Đề án.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Đề án này.

4. Sở Kế hoạch và đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và nguồn hỗ trợ của Trung ương đầu tư xây dựng trụ sở và mua sắm trang thiết bị cần thiết cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo Đề án.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện dự trù kinh phí giải quyết chế độ, chính sách, cho thôi việc đối với lực lượng Công an xã khi điều động Công an chính quy.

6. Sở Tài nguyên môi trường

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở làm việc, nơi công tác, sinh hoạt của Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

7. Sở Lao động thương binh và xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Nội vụ có chính hỗ trợ tạo việc làm, tăng thu nhập đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách nghỉ việc, góp phần động viên và nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Tư pháp

Đưa nội dung triển khai Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã vào công tác tuyên truyền pháp luật của tỉnh giai đoạn 2019-2021.

9. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Công an tỉnh thực hiện Nghị định số 77/2010/NĐ-CP, ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong đảm bảo An ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phối hợp với Công an tỉnh thực hiện tốt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm các cấp thực hiện tốt Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ quy định về phối hợp hoạt động giữa lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, lực lượng Kiểm lâm và các lực lượng khác trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

11. Sở Thông tin truyền thông và các cơ quan thông tấn, báo chí

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị, địa phương viết bài, đưa tin về tình hình, kết quả triển khai điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã để cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân hiểu đây là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và ngành Công an; tạo sự đồng thuận, ủng hộ, giúp đỡ lực lượng Công an hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh

Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền đối với hội viên, đoàn viên thuộc tổ chức mình trong thực hiện Đề án. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tại khu dân cư" gắn với các phong trào cách mạng khác tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *e*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Yên Bái;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy
Đỗ Đức Duy



ĐỀ ÁN

Điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2021

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1606 /QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Phần thứ nhất SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong những năm qua, lực lượng Công an xã, thị trấn (gọi tắt là Công an xã) trên địa bàn tỉnh Yên Bái cơ bản đã được củng cố, kiện toàn theo Pháp lệnh số 06 ngày 21/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đối với những địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (ANTT) được tăng cường thêm lực lượng; chế độ chính sách từng bước được giải quyết phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương; công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ được duy trì thường xuyên; nhiều đồng chí đã vận dụng tốt kiến thức vào thực tiễn công tác đảm bảo ANTT ở cơ sở; Công an xã ở nhiều địa phương đã trực tiếp giải quyết hầu hết các vụ việc liên quan đến ANTT; phát hiện, phối hợp, bắt giữ nhiều đối tượng truy nã, đối tượng hình sự, ma túy, mại dâm... phát huy vai trò nòng cốt trong phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi phạm pháp luật tại địa bàn cơ sở; góp phần quan trọng cùng với lực lượng Công an các cấp duy trì và giữ vững sự ổn định về ANTT tại địa bàn cơ sở.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã vẫn còn nhiều hạn chế như: công tác nắm tình hình, tham mưu đề xuất xây dựng kế hoạch, biện pháp giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn còn yếu; một số trường hợp Công an xã sai phạm trong khi thi hành nhiệm vụ phải xử lý kỷ luật; năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng, hiệu quả công tác chưa cao, nhiều đồng chí chưa qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ (nhất là Công an viên); tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm trong giải quyết công việc vẫn còn xảy ra. Những hạn chế, tồn tại nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đảm bảo ANTT tại địa bàn cơ sở.

Bên cạnh đó trong thời gian gần đây tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn, miền núi thuộc các xã, thị trấn nổi lên một số vấn đề cần quan tâm đó là: Tình trạng lôi kéo người xuất cảnh trái phép, đơn thư, tập trung đông người khiếu nại liên quan đến việc thực hiện các chính sách về đất đai, giải phóng mặt bằng, triển khai dự án diễn biến ngày càng phức tạp...

Tại các địa bàn cơ sở, tội phạm về trật tự xã hội có xu hướng diễn biến phức tạp, nổi lên là tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội; tội phạm trộm cắp tài sản; tội phạm hiếp dâm, giao cấu với người chưa thành niên; tội phạm mua bán người; tội phạm cờ bạc; tội phạm buôn lậu; tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng cả về tính chất và mức độ...

Trước thực trạng trên, yêu cầu xây dựng lực lượng Công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn toàn tỉnh để chủ động nắm tình hình, phát hiện kịp thời, giải quyết dứt điểm các vụ việc liên quan đến ANTT ngay tại cơ sở là cần thiết trong tình hình hiện nay.

2. Cơ sở pháp lý

2.1. Luật Công an nhân dân ngày 20/11/2018.

2.2 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015.

2.3. Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12, ngày 21/11/2008.

2.4. Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.

2.5. Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

2.6. Thông tư số 09/2019/TT-BCA ngày 11/4/2019 của Bộ Công an quy định việc bố trí sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

2.7. Thông tư số 08/2013/TT-BCA ngày 01/02/2013 của Bộ Công an quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xây dựng phong trào và phụ trách xã về ANTT.

2.8. Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.9. Thông tư số 43/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an phường.

2.10. Công văn số 3422/BCA-X01 ngày 25/12/2018 của Bộ Công an về việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG VỀ LỰC LƯỢNG VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

I. THỰC TRẠNG VỀ LỰC LƯỢNG

Tính đến ngày 10/5/2019, tổng số lực lượng Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực là **326** người bố trí tại 167 xã, thị trấn, trong đó:

1. Trưởng Công an xã

- Trong 167 xã, thị trấn mới bố trí được **139** Trưởng Công an tại 139 xã, còn lại 21 xã chưa có Trưởng Công an xã và 07 xã do Phó Chủ tịch UBND xã kiêm nhiệm Trưởng Công an xã. (**Phụ lục 1**)

- Trong 139 Trưởng Công an xã có 19 người tham gia Thường vụ Đảng uỷ xã, 123 người tham gia cấp uỷ Đảng bộ xã; đến hết năm 2021 có 09 người nghỉ hưu theo quy định;

- Về trình độ: Đại học 14 người = 10,07%; Cao đẳng 05 người = 3,60%; Trung cấp 102 người = 73,38%; Sơ cấp và chưa qua đào tạo 18 người = 12,95%.

2. Phó Trưởng Công an xã

- Hiện mới bố trí được **161** Phó trưởng CAX tại 161 xã, còn 06 xã thực hiện công tác kiêm nhiệm.

- Về trình độ: Đại học 17 người = 10,56%; Cao đẳng 07 người = 4,35%; Trung cấp 86 người = 53,42%; Sơ cấp và chưa qua đào tạo 51 người = 31,67%.

3. Công an viên thường trực

Hiện mới bố trí **26** Công an viên thường trực tại 26 xã, còn 141 xã thực hiện công tác kiêm nhiệm.

Ngoài ra các xã, thị trấn hiện có bố trí lực lượng Công an viên tại **1.143** thôn, bản (sau khi sắp xếp thôn bản, tổ dân phố) là **1.206** người (những thôn, bản phức tạp về ANTT bố trí 02 người); Lực lượng này không thuộc đối tượng, phạm vi tác động, điều chỉnh của Đề án.

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Trụ sở làm việc

- Hiện có 25 xã đã đầu tư và đang xây dựng trụ sở CAX, gồm:

+ 20 xã được xây dựng trụ sở theo Đề án tăng cường đảm bảo QPAN giai đoạn 2016 – 2020 (10 trụ sở đã xong, 10 trụ sở xây dựng xong trong năm 2019).

+ 05 xã do UBND huyện và Công an huyện đã đầu tư xây dựng.

- Có 118 xã chưa có trụ sở độc lập nhưng đã được bố trí phòng làm việc riêng tại trụ sở UBND xã.

- Còn lại 24 xã bố trí phòng làm việc của Công an xã ghép chung với Ban Chỉ huy Quân sự xã.

2. Phương tiện, máy móc, thiết bị làm việc

Hiện đã trang bị cho 167 Công an xã, thị trấn, gồm: 334 bàn làm việc, 167 bàn họp, 1.770 ghế họp, 167 giường cá nhân, 17 xe mô tô. So với yêu cầu, nhiệm vụ và quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Công an xã, lực lượng Công an xã còn thiếu nhiều phương tiện, máy móc, thiết bị làm việc; nhiều trang thiết bị được trang cấp đã lâu, không còn niên hạn sử dụng...

3. Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật tư phương tiện

Hiện nay lực lượng Công an xã được trang bị 23 súng bắn đạn cao su, 136 dùi cui điện, 115 đèn pin đặc chủng, 69 gậy nhựa, 690 khóa dây trói, 556 dùi cui cao su, 385 khóa số 8, 113 loa pin. Theo yêu cầu thực tế và quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn định mức trang bị cho lực lượng Công an xã còn chưa đảm bảo theo quy định.

4. Trang bị dụng cụ cấp dưỡng cho nhà ăn, bếp ăn tập thể Công an xã theo Thông tư số 34/2011/TT-BCA ngày 20/5/2011 của Bộ Công an: Chưa thực hiện.

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG ĐIỀU ĐỘNG CÔNG AN CHÍNH QUY ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC DANH CÔNG AN XÃ

1. Thuận lợi

- Chủ trương này nhận được sự ủng hộ của cấp uỷ, lãnh đạo các cấp.
- Nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất giữa các cấp Công an. Đưa lực lượng Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã sẽ thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với Công an cấp trên giúp Đảng uỷ, UBND xã triển khai có hiệu quả chương trình, kế hoạch đảm bảo ANTT ở cơ sở.

2. Khó khăn

- Chính phủ chưa có hướng dẫn về xây dựng lực lượng Công an xã chính quy theo quy định của Luật CAND năm 2018; Bộ Công an chưa có đề án mẫu về xây dựng lực lượng Công an xã chính quy và chưa hướng dẫn chi tiết về kinh phí đảm bảo cho hoạt động như: xây dựng trụ sở, nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã. Một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã chưa đồng bộ, tính pháp lý chưa cao nên khó khăn khi áp dụng và tổ chức thực hiện.

- Tâm lý, tư tưởng cán bộ, chiến sĩ Công an bị tác động do được điều động đến Công an cấp xã ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Việc sắp xếp công tác khác cho Trưởng Công an xã ở nhiều địa phương còn vướng mắc do đã đủ biên chế và sáp nhập xã; ảnh hưởng tới cơ cấu, quy hoạch Trưởng Công an tham gia Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020 – 2025. Đặc biệt, khi Đề án được triển khai sẽ làm cho một số cán bộ Công an xã bán chuyên trách không an tâm công tác, xin nghỉ việc, làm ảnh hưởng đến công tác bảo đảm ANTT ở cơ sở.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU ĐỘNG CÔNG AN CHÍNH QUY ĐẢM NHIỆM
CÁC CHỨC DANH CÔNG AN XÃ TỈNH YÊN BÁI
GIAI ĐOẠN 2019 – 2021

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích, yêu cầu

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy lực lượng Công an Yên Bái theo phương châm “*Bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở*”.

- Xây dựng lực lượng Công an xã có phẩm chất, trình độ, năng lực, trách nhiệm, tận tâm, tận lực, vì nhân dân phục vụ.

- Phân đấu đến hết năm 2021, toàn bộ 160 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh được điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã (*hiện có 167 xã, thị trấn giảm xuống còn 160 xã, thị trấn theo Đề án sáp nhập 14 đơn vị hành chính xã*); đến hết 2025, toàn bộ 160 Công an xã, thị trấn chính quy có trụ sở làm việc độc lập.

2. Quan điểm chỉ đạo

Xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy được thực hiện theo mô hình bố trí tối thiểu 03 Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, gồm có: ***Trưởng Công an, Phó trưởng Công an xã, 01 cán bộ thường trực là Công an chính quy, các chức danh còn lại là lực lượng không chuyên trách*** trực tiếp tại địa bàn xã, thị trấn để cùng với lực lượng Công an bán chuyên trách làm nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại cơ sở. Đối với những xã, thị trấn phức tạp về an ninh, trật tự có thể bố trí số lượng Công an chính quy nhiều hơn.

Việc điều động Công an xã, thị trấn chính quy phải kết hợp với thực hiện Đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Quá trình thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận, không gây xáo trộn hoặc vượt quá số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên được quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP; đảm bảo động viên lực lượng Công an xã bán chuyên trách tiếp tục làm tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều động Công an chính quy đến đảm nhiệm các chức danh Công an xã theo lộ trình:

- Năm 2019 điều động Công an chính quy đến các xã, thị trấn chưa có Trưởng Công an; các xã bố trí chức danh khác kiêm nhiệm Trưởng Công an hoặc các xã có Trưởng Công an xã nhưng đã được UBND cấp huyện có phương án bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách.

- Năm 2020 điều động Công an chính quy đến các xã, thị trấn trọng điểm phức tạp về ANTT và các xã có Trưởng Công an xã đã được UBND cấp huyện sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách, điều động, luân chuyển...

- Năm 2021 điều động Công an chính quy đến các xã, thị trấn còn lại theo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Công an.

II. LỘ TRÌNH, PHƯƠNG ÁN ĐIỀU ĐỘNG CÔNG AN CHÍNH QUY ĐẢM NHIỆM CÁC CHỨC DANH CÔNG AN XÃ

1. Lộ trình điều động

Tổng số Công an chính quy điều động trong 03 năm (2019 – 2021) tại 160 xã, thị trấn là 480 người, đảm nhiệm chức danh Công an xã (**Phụ lục 2**).

1.1. Năm 2019

Điều động Công an chính quy tại 33 xã, thị trấn (19 xã chưa có Trường CAX (không bố trí TCAX đối với 02 xã trong đề án sáp nhập các xã, thị trấn chưa đủ tiêu chí theo quy định); 06 xã hiện đang bố trí kiêm nhiệm TCAX (không bố trí TCAX đối với 01 xã trong đề án sáp nhập các xã, thị trấn chưa đủ tiêu chí theo quy định); 08 xã thực hiện điều động hoặc cho nghỉ chế độ đối với TCAX) với 99 người (33 Trường CAX, 33 Phó Trường CAX, 33 CAVTT), cụ thể là:

- Văn Chấn 09 xã (Suối Bu, Nậm Lành, Phúc Sơn, Sùng Đô, Sơn Lương, Chấn Thịnh, Cát Thịnh, An Lương và Thượng Bằng La): 27 người.

- Mù Cang Chải 07 xã (La Pán Tản, Dế Xu Phình, Chế Cu Nha, Lao Chải, Khao Mang, Cao Phạ và Nậm Có): 21 người.

- Yên Bình 06 xã (Cảm Ân, Vũ Linh, Vĩnh Kiên, Xuân Long, Phúc An và Yên Thành): 18 người.

- Trạm Tấu 03 xã (Túc Đán, Làng Nhi, Phình Hồ): 09 người.

- Lục Yên: 01 xã (Lâm Thượng): 03 người.

- Trấn Yên 07 xã (Tân Đồng, Hòa Cường, Nga Quán, Vân Hội, Việt Hồng, Báo Đáp và thị trấn Cổ Phúc): 21 người.

(Phụ lục 2a)

1.2. Năm 2020

Điều động Công an chính quy tại 40 xã, thị trấn với 120 người tại các xã thực hiện điều động hoặc nghỉ chế độ đối với TCAX (40 Trường CAX, 40 Phó Trường CAX, 40 CAVTT), cụ thể là:

- Văn Yên 20 xã (Lâm Giang, Lang Thíp, Mỏ Vàng, Phong Dụ Thượng, Đông An, An Bình, Đông Cường, Ngòi A, An Thịnh, Tân Hợp, Viễn Sơn, Nà Hẩu, Châu Quế Hạ, Phong Dụ Hạ, Xuân Tầm, Yên Hợp, Quang Minh, Yên Phú, Đại Phác và thị trấn Mậu A): 60 người.

- Văn Chấn 06 xã (Hạnh Sơn, Sơn Thịnh, Tân Thịnh, Đồng Khê, Tú Lệ và thị trấn Nông Trường Nghĩa Lộ): 18 người.

- Lục Yên 04 xã (Khánh Thiện, Trung Tâm, Tân Phượng và thị trấn Yên Thế): 12 người.

- Trấn Yên 04 xã (Hồng Ca, Hưng Khánh, Minh Quán và Quy Mông): 12 người.

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bán chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
19	Yên Phú	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý I	- Bố trí Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Nhà Hưu
20	Đại Phác	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã
VI	Huyện Lục Yên	42	4	4	34	46	12	4	4	4	34		
1	Khánh Thiện	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	Trưởng CAX nghỉ hưu
2	Trung Tâm	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	Trưởng CAX nghỉ hưu
3	Thị trấn Yên Thế	15	1	1	13	16	3	1	1	1	13	Quý IV	Trưởng CAX nghỉ hưu
4	Tân Phượng	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	Trưởng CAX nghỉ chế độ theo Nghị định số 108/NĐ-CP
VII	H.Mù Cang Chải	7	1	2	4	7	3	1	1	1	4		
1	Chế Tạo	7	1	2	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX - Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự

- Tổng số xã, thị trấn đề nghị: 40
- Tổng số Công an chính quy đưa xuống: 120

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bán chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
6	An Bình	6	1	0	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã Mậu Đông
7	Đông Công	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã
8	Thị trấn Mậu A	13	1	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm cán bộ thị trấn Mậu A
9	Ngòi A	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý I	- Điều động Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Mỏ Vàng
10	An Thịnh	13	1	1	11	15	3	1	1	1	12	Quý I	- Trưởng CAX giải quyết nghi chế độ theo Nghị định 108
11	Tân Hợp	9	1	1	7	11	3	1	1	1	8	Quý I	- Điều động Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Viễn Sơn
12	Viễn Sơn	7	1	1	5	9	3	1	1	1	6	Quý I	Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã
13	Nà Hẩu	5	1	0	4	7	3	1	1	1	4	Quý I	Điều động TCAX làm Trưởng đoàn thể hoặc cán bộ chủ chốt xã Lang Thíp
14	Châu Quế Hạ	11	1	0	10	13	3	1	1	1	10	Quý I	- Bố trí Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Lâm Giang
15	Phong Dụ Hạ	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý I	- Bố trí Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Đông An
16	Xuân Tầm	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý I	- Bố trí Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Phong Dụ Hạ
17	Yên Hợp	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý I	- Bố trí Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã An Thịnh
18	Quang Minh	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý I	- Bố trí Trưởng CAX làm tư pháp, hộ tịch xã Quang Minh

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bán chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
4	Thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Điều động Trưởng CAX làm công tác tư pháp, hộ tịch
5	Đồng Khê	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Điều động Trưởng CAX làm công tác tư pháp, hộ tịch
6	Tứ Lệ	12	1	2	9	12	3	1	1	1	9	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Chủ tịch Hội cựu chiến binh - Xã trọng điểm, phức tạp về ANTT
IV	Huyện Trấn Yên	51	4	3	44	56	12	4	4	4	44		
1	Hồng Ca	15	1	1	13	16	3	1	1	1	13	Quý III	- Trưởng CAX bố trí công tác khác
2	Hưng Khánh	13	1	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý III	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ hưu
3	Mình Quán	11	1	0	10	13	3	1	1	1	10	Quý III	- Trưởng CAX bố trí công tác khác
4	Quy Mông	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý III	- Trưởng CAX bố trí công tác khác
V	Huyện Văn Yên	176	20	17	139	202	60	20	20	20	142		
1	Lâm Giang	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý III	Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể của xã
2	Lang Thíp	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã An Thịnh
3	Mỏ Vàng	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý III	Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã
4	Phong Dụ Thượng	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý III	- Trưởng CAX giải quyết chế độ theo Nghị định số 108
5	Đông An	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Trưởng đoàn thể xã

PHỤ LỤC 2b
Phương án bố trí Công an xã chính quy năm 2020

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bản chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
	Tổng số	402	40	37	325	445	117	39	39	39	329		
I	Huyện Trại Tầu	5	1	1	3	6	3	1	1	1	4		
1	Pá Lau	6	1	1	4	8	3	1	1	1	5	Quý I	- Trưởng CAX nghỉ hưu
II	Huyện Yên Bình	51	5	5	41	53	12	4	4	4	41		
1	Thị trấn Yên Bình	15	1	1	13	16	3	1	1	1	13	Quý I	- Trưởng CAX bố trí công tác khác - Xã trọng điểm, phức tạp về ANTT
2	Cầm Nhân mới	17	2	2	13	16	3	1	1	1	13	Quý IV	- Trưởng CAX bố trí công tác khác - Xã trọng điểm, phức tạp về ANTT
3	Đại Minh	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý I	- Trưởng CAX bố trí công tác khác
4	Tân Nguyên	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ-HĐND
III	Huyện Văn Chấn	77	6	7	64	82	18	6	6	6	64		
1	Hạnh Sơn	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm công tác tư pháp, hộ tịch
2	Sơn Thịnh	16	1	1	14	17	3	1	1	1	14	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm lãnh đạo UBND xã
3	Tân Thịnh	14	1	1	12	15	3	1	1	1	12	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Phó Chủ tịch UBND xã

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bản chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
VI	Huyện Trấn Yên	60	1	6	53	74	21	7	7	7	53		
1	Việt Hồng	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng CAX
2	Vân Hội	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng CAX
3	Nga Quán	5	0	0	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng CAX
4	Tân Đồng	9	0	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý III	- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng CAX
5	Hòa Cuông	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng CAX
6	Thị trấn Cỏ Phức	12	0	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý III	- Phó Chủ tịch kiêm Trưởng CAX
7	Bảo Đáp	13	1	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND tỉnh

- Tổng số xã, thị trấn đề nghị: 33

- Tổng số Công an chính quy đưa xuống: 99

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bán chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
III	Huyện Yên Bình	50	4	6	40	58	18	6	6	6	40		
1	Cầm Ân	6	0	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
2	Vũ Linh	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
3	Vĩnh Kiên	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ hưu (từ 11/2019)
4	Xuân Long	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (năm 2019)
5	Phúc An	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (năm 2019)
6	Yên Thành	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Trưởng CAX bố trí công tác khác
IV	Huyện Lục Yên	12	0	1	11	14	3	1	1	1	11		
1	Lâm Thượng	12	0	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
V	Huyện Văn Chấn	97	2	10	85	112	27	9	9	9	85		
1	Nậm Lành	6	0	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
2	Phúc Sơn	10	0	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
3	Sùng Đô	6	0	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
4	Sơn Lương	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
5	Suối Bu	5	0	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
6	Chấn Thịnh	16	0	1	15	18	3	1	1	1	15	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX
7	Cát Thịnh	19	0	2	17	20	3	1	1	1	17	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Xã trọng điểm về ANTT
8	Thượng Bằng La	17	1	1	15	18	3	1	1	1	15	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ hưu
9	An Lương	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Bố trí Trưởng CAX làm công chức địa chính, nông nghiệp

PHỤ LỤC 2a
Phương án bố trí Công an xã chính quy năm 2019

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bán chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
	Tổng số	310	8	39	263	362	99	33	33	33	263		
I	Huyện Trạm Tấu	20	1	5	14	23	9	3	3	3	14		
1	Làng Nhì	7	0	2	5	8	3	1	1	1	5	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Xã trọng điểm ANTT
2	Túc Đán	8	0	2	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Xã trọng điểm ANTT
3	Phình Hồ	5	1	1	3	6	3	1	1	1	3	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
II	H.Mù Cang Chải	71	0	11	60	81	21	7	7	7	60		
1	Cao Phạ	10	0	2	8	11	3	1	1	1	8	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Xã trọng điểm ANTT - Có 01 CA viên thường trực
2	Khao Mang	11	0	2	9	12	3	1	1	1	9	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Xã trọng điểm ANTT - Có 01 CA viên thường trực
3	Nậm Có	14	0	2	12	15	3	1	1	1	12	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Xã trọng điểm ANTT - Có 01 CA viên thường trực
4	Chế Cu Nha	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Có 01 CA viên thường trực
5	Dế Xu Phình	5	0	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Có 01 CA viên thường trực
6	Lao Chải	17	0	2	15	18	3	1	1	1	15	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Có 01 CA viên thường trực
7	La Pán Tẩn	7	0	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Chưa có Trưởng CAX - Có 01 CA viên thường trực

TT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực tại xã, thị trấn tại thời điểm tháng 4/2019				Dự kiến số Trưởng CA, Phó Trưởng CA và CA viên thường trực tại xã, thị trấn giải quyết chế độ (nghỉ hưu, thôi việc, bố trí công tác khác)			Dự kiến phương án bố trí Công an chính quy			Ghi chú	
		Tổng số xã, thị trấn	Số Công an xã, thị trấn hiện có	Số Công an xã, thị trấn còn thiếu	Số Công an xã, thị trấn do chức danh khác kiêm nhiệm	2019	2020	2021	2019		2020		2021
									Bố trí ngay những xã chưa có TCA và xã kiêm nhiệm TCA	Bố trí khi có TCA nghỉ hưu, thôi việc, chuyển chức danh khác (từ 7/2019 đến 12/2019)			
9	Huyện Lục Yên	24	45	4		1	8	36	3		12	57	
	- Trưởng Công an xã		23	1				4	1		4	19	
	- Phó Trưởng Công an xã		21	3		1	4	16	1		4	19	
	- Công an viên thường trực		1					1	1		4	19	
Tổng số		167	326	32	11	54	85	187	75	24	117	261	Tổng số xã, thị trấn sau sáp nhập các xã, thị trấn chưa đủ tiêu chí theo quy định là 160 xã.
	- Trưởng Công an xã		139	21	7	8	41	90	25	8	40	87	
	- Phó Trưởng Công an xã		161	11	4	39	39	83	25	8	40	87	
	- Công an viên thường trực		26			7	5	14	25	8	40	87	

TT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực tại xã, thị trấn tại thời điểm tháng 4/2019				Dự kiến số Trưởng CA, Phó Trưởng CA và CA viên thường trực tại xã, thị trấn giải quyết chế độ (nghỉ hưu, thôi việc, bổ trí công tác khác)			Dự kiến phương án bổ trí Công an chính quy				Ghi chú
		Tổng số xã, thị trấn	Số Công an xã, thị trấn hiện có	Số Công an xã, thị trấn còn thiếu	Số Công an xã, thị trấn do chức danh khác kiêm nhiệm	2019	2020	2021	2019		2020	2021	
									Bổ trí ngay những xã chưa có TCA và xã kiêm nhiệm TCA	Bổ trí khi có TCA nghỉ hưu, thôi việc, chuyển chức danh khác (từ 7/2019 đến 12/2019)			
6	Huyện Trạm Tấu	12	24	2		6	2	16	6	3	3	24	
	- Trưởng Công an xã		10	2		1	1	8	2	1	1	8	
	- Phó Trưởng Công an xã		14			5	1	8	2	1	1	8	
	- Công an viên thường trực								2	1	1	8	
7	Huyện Mù Cang Chải	14	40	7		18	4	18	21			18	
	- Trưởng Công an xã		7	7			1	6	7		1	6	
	- Phó Trưởng Công an xã		19			11	2	6	7		1	6	
	- Công an viên thường trực		14			7	1	6	7		1	6	
8	Huyện Yên Bình	26	47	5		10	10	27	6	12	12	42	- Sáp nhập xã Phú Thịnh và xã Văn Lãng thành xã Phú Thịnh (xã Phú Thịnh chưa có TCAX, bổ trí TCAX Văn Lãng làm TCAX Phú Thịnh mới). Bổ trí công tác khác đối với TCAX Phú Thịnh mới vào năm 2021
	- Trưởng Công an xã		23	3		4	5	14	2	4	4	14	- Sáp nhập xã Cẩm Nhân và xã Tích Cốc thành xã Cẩm Nhân. Bổ trí công tác khác đối với TCAX Tích Cốc vào năm 2019, TCAX Cẩm Nhân thành TCAX Cẩm Nhân mới vào năm 2019. Bổ trí công tác khác đối với TCAX Cẩm Nhân mới vào năm 2020.
	- Phó Trưởng Công an xã		24	2		6	5	13	2	4	4	14	
	- Công an viên thường trực								2	4	4	14	

TT	Đơn vị	Hiện trạng Trường Công an, Phó Trường Công an và Công an viên thường trực tại xã, thị trấn tại thời điểm tháng 4/2019				Dự kiến số Trường CA, Phó Trường CA và CA viên thường trực tại xã, thị trấn giải quyết chế độ (nghỉ hưu, thôi việc, bổ trí công tác khác)			Dự kiến phương án bố trí Công an chính quy				Ghi chú
		Tổng số xã, thị trấn	Số Công an xã, thị trấn hiện có	Số Công an xã, thị trấn còn thiếu	Số Công an xã, thị trấn do chức danh khác kiêm nhiệm	2019	2020	2021	2019		2020	2021	
									Bổ trí ngay những xã chưa có TCA và xã kiêm nhiệm TCA	Bổ trí khi có TCA nghỉ hưu, thôi việc, chuyển chức danh khác (từ 7/2019 đến 12/2019)			
3	Huyện Trấn Yên	22	32	1	11	7	7	18	18	3	12	30	Sáp nhập xã Y Can và xã Minh Tiến thành xã Y Can. (xã Minh Tiến chưa có TCAX, bổ trí TCAX Y Can thành TCAX Y Can mới). Bổ trí công tác khác đối với TCAX Y Can mới vào năm 2021.
	- Trường Công an xã		15		7	1	4	10	6	1	4	10	
	- Phó Trường Công an xã		17	1	4	6	3	8	6	1	4	10	
	- Công an viên thường trực								6	1	4	10	
4	Huyện Văn Yên	27	56	3			41	15			60	15	- Sáp nhập xã Yên Thái và xã Yên Hưng thành xã Yên Thái. Điều động TCAX Yên Hưng làm công chức huyện vào năm 2020. Bổ trí công tác khác đối với TCAX Yên Thái mới vào năm 2021. - Sáp nhập xã Xuân Ái và xã Hoàng Thắng thành xã Xuân Ái. TCAX Hoàng Thắng điều động làm công chức tư pháp, hộ tịch vào năm 2020. Bổ trí công tác khác đối với TCAX xã Xuân Ái mới vào năm 2021.
	- Trường Công an xã		27				20	7			20	5	
	- Phó Trường Công an xã		24	3			17	7			20	5	
	- Công an viên thường trực		5				4	1			20	5	
5	Huyện Văn Chấn	31	56	9		12	13	31	21	6	18	48	
	- Trường Công an xã		24	7		2	6	16	7	2	6	16	
	- Phó Trường Công an xã		31	2		10	7	14	7	2	6	16	
	- Công an viên thường trực		1					1	7	2	6	16	

PHỤ LỤC 2

**Tổng hợp thực trạng Công an xã, thị trấn bán chuyên trách
và phương án bố trí Công an chính quy giai đoạn 2019 - 2021**

TT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an và Công an viên thường trực tại xã, thị trấn tại thời điểm tháng 4/2019				Dự kiến số Trưởng CA, Phó Trưởng CA và CA viên thường trực tại xã, thị trấn giải quyết chế độ (nghỉ hưu, thôi việc, bố trí công tác khác)			Dự kiến phương án bố trí Công an chính quy			Ghi chú	
		Tổng số xã, thị trấn	Số Công an xã, thị trấn hiện có	Số Công an xã, thị trấn còn thiếu	Số Công an xã, thị trấn do chức danh khác kiêm nhiệm	2019	2020	2021	2019		2020		2021
									Bố trí ngay những xã chưa có TCA và xã kiêm nhiệm TCA	Bố trí khi có TCA nghỉ hưu, thôi việc, chuyển chức danh khác (từ 7/2019 đến 12/2019)			
1	Thành phố Yên Bái	8	19	1			19				18	- Sáp nhập xã Văn Phú và xã Văn Tiến thành xã Văn Phú (xã Văn Tiến chưa có TCAX, bố trí TCAX Văn Phú thành TCAX Văn Phú mới). Bố trí công tác khác đối với TCAX Văn Phú mới vào năm 2021. - Sáp nhập xã Phúc Lộc và Giới Phiên thành xã Giới Phiên. Bố trí công tác khác đối với TCAX Phúc Lộc vào năm 2019 và TCAX Giới Phiên mới vào năm 2021.	
	- Trưởng Công an xã		7	1			7				6		
	- Phó Trưởng Công an xã		8				8				6		
	- Công an viên thường trực		4				4				6		
2	Thị xã Nghĩa Lộ	3	7				7				9		
	- Trưởng Công an xã		3				3				3		
	- Phó Trưởng Công an xã		3				3				3		
	- Công an viên thường trực		1				1				3		

PHỤ LỤC 1
Các xã chưa có Trưởng Công an xã
và các xã có Trưởng Công an xã là cán bộ kiêm nhiệm
(Tính đến 10/5/2019)

I. Các xã chưa có Trưởng công an xã: 21 xã

1. Huyện Mù Cang Chải 07 xã: La Pán Tản, Dế Xu Phình, Ché Cu Nha, Lao Chải, Khao Mang, Cao Phạ và Nậm Có;
2. Huyện Văn Chấn 07 xã: Suối Bu, Nậm Lành, Cát Thịnh, Phúc Sơn, Sùng Đô, Sơn Lương và Chấn Thịnh;
3. Huyện Trạm Tấu 02 xã: Túc Đán và Làng Nhì;
4. Huyện Lục Yên 01 xã: Lâm Thượng;
5. Huyện Yên Bình 03 xã: Cẩm Ân, Vũ Linh và Phú Thịnh (*Đề án sáp nhập xã Văn Lãng và xã Phú Thịnh thành xã Phú Thịnh mới*);
6. Thành phố Yên Bái 01 xã: Văn Tiến (*Đề án sáp nhập xã Văn Phú và xã Văn Tiến thành xã Văn Phú mới*).

II. Các xã Phó Chủ tịch kiêm Trưởng công an xã: 07 xã

Huyện Trấn Yên:

1. Thị trấn Cổ Phúc
 2. Xã Tân Đồng
 3. Xã Hòa Công
 4. Xã Nga Quán
 5. Xã Vân Hội
 6. Xã Việt Hồng
 7. Xã Minh Tiến (*Đề án sáp nhập xã Y Can và xã Minh Tiến thành xã Y Can mới*).
-

12. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh

Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền đối với hội viên, đoàn viên thuộc tổ chức mình trong thực hiện Đề án. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tại khu dân cư*" gắn với các phong trào cách mạng khác tại địa phương. Phối hợp với Công an tỉnh và các đoàn thể quần chúng thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết liên tịch về đảm bảo ANTT trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Lao động thương binh và xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Nội vụ giải quyết chế độ chính sách đối với số Trường Công an xã, Phó Trường Công an xã, Công an viên bán chuyên trách có nguyện vọng xin thôi phục vụ trong lực lượng Công an xã. Tăng cường công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho người lao động; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành liên quan có chính sách hỗ trợ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách nghỉ việc, góp phần động viên và nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác hướng dẫn, thẩm định đề nghị, hoàn thiện thủ tục, hồ sơ theo quy định để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Đề án ra Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đưa nội dung triển khai Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã vào công tác tuyên truyền pháp luật của tỉnh.

9. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Công an tỉnh thực hiện Nghị định 77/NĐ-CP, ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong đảm bảo An ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân tại địa bàn cơ sở.

10. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phối hợp với Công an tỉnh thực hiện tốt tiêu chí số 19 về "*Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn*" trong bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.

Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm các cấp thực hiện tốt Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ quy định về phối hợp hoạt động giữa lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, lực lượng Kiểm lâm và các lực lượng khác trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

11. Sở Thông tin truyền thông, Đài phát thanh truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị, địa phương viết bài, đưa tin về tình hình, kết quả triển khai điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã để cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân hiểu đây là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và ngành Công an; tạo sự đồng thuận, ủng hộ, giúp đỡ lực lượng Công an hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Làm tốt công tác tuyên truyền, động viên tư tưởng lực lượng Công an xã bán chuyên trách, tạo sự đồng thuận và nhất trí cao với chủ trương điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

- Chủ động chỉ đạo rà soát, lập danh sách các xã thuộc phạm vi quản lý hiện đang thiếu Trường Công an xã; xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; xã đã có phương án bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đề nghị Công an tỉnh điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

- Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, lộ trình thực hiện. Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn xây dựng phương án bố trí, sắp xếp, giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với Trường, Phó Trường Công an xã và Công an viên theo lộ trình Đề án.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên môi trường, Công an tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở, nơi làm việc, sinh hoạt, các điều kiện cần thiết khác cho lực lượng Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã. Xây dựng phương án và phối hợp các sở, ban, ngành liên quan bố trí công tác khác hoặc thực hiện chế độ chính sách đối với Trường Công an xã, Phó Trường Công an xã, Công an viên chịu tác động từ việc thực hiện Đề án.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với các chức danh Trường, Phó Trường Công an xã và Công an viên tại các thôn bản theo lộ trình thực hiện Đề án.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Đề án này.

4. Sở Kế hoạch và đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và nguồn hỗ trợ của Trung ương đầu tư xây dựng trụ sở và mua sắm trang thiết bị cần thiết cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo Đề án.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện dự trù kinh phí giải quyết chế độ, chính sách, cho thôi việc đối với lực lượng Công an xã khi điều động Công an chính quy.

6. Sở Tài nguyên môi trường

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở làm việc, nơi công tác, sinh hoạt của Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

b) Dự kiến kinh phí giải quyết chế độ chính sách

Kinh phí chi cho **200** Trường Công an, Phó Trường công an, Công an viên thường trực đã có phương án đề nghị giải quyết chế độ chính sách giai đoạn 2019-2021 là: **1.117.770.000 đ**, trong đó:

- 13 Trường CAX:

+ Nghị theo Nghị định 108: 11 người = **683.390.000đ** (Do ngân sách Trung ương đảm bảo).

+ Nghị theo Nghị quyết 07 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 02 người = **264.000.000đ** (Do ngân sách tỉnh đảm bảo).

- 187 Phó CAX và CAVTT (161 PTCAX, 26 CAVTT)

+ Tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, nghỉ hưởng theo chế độ Bảo hiểm xã hội là **187** người (Do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả).

+ Đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết 27 của Hội đồng nhân dân tỉnh là **187** người = **853.770.000đ** (Ngân sách do tỉnh đảm bảo).

(Phụ lục 2d)

2.2. Kinh phí Bộ Công an đảm bảo

Đề nghị Bộ Công an hỗ trợ kinh phí cho tỉnh thực hiện Đề án đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 34/2011/TT-BCA ngày 20/5/2011 quy định về trang bị dụng cụ cấp dưỡng cho nhà ăn, bếp tập thể trong Công an nhân dân và Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 quy định về tiêu chuẩn định mức trang bị cho Công an xã.

**Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện Đề án theo lộ trình đã đề ra. Chủ động nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Căn cứ từng giai đoạn, lộ trình thực hiện phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành sơ, tổng kết thực hiện Đề án; kịp thời đánh giá, kiến nghị, đề xuất, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung những vấn đề không còn phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả của Đề án; báo cáo Bộ Công an, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, động viên về tư tưởng; đồng thời có giải pháp phù hợp để khắc phục tình trạng Công an xã bán chuyên trách nghỉ việc (khi chưa điều động Công an chính quy), làm ảnh hưởng đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự và giải quyết các thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn.

+ Đã đầu tư: 20 trụ sở (10 trụ sở đã có kế hoạch đầu tư theo Thông báo số 2625/UBND-XD và 10 trụ sở Quyết định số 2804/QĐ-UBND năm 2016 của UBND tỉnh)

+ Được UBND huyện, Công an huyện đầu tư: 5 trụ sở

- Phương án xây mới: 86 trụ sở giai đoạn 2020-2025 (Trong đó năm 2020 xây dựng 16 trụ sở, từ năm 2021-2025 mỗi năm xây dựng 14 trụ sở).

2. Kinh phí đảm bảo thực hiện Đề án

2.1. Kinh phí địa phương đảm bảo

a) Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất

- Tổng kinh phí do ngân sách địa phương bố trí và đề nghị Trung ương hỗ trợ một phần đảm bảo cho việc xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho trụ sở Công an xã là: **109.652.000.000đ** (một trăm linh chín tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu đồng), bao gồm:

+ Sử dụng lại 49 trụ sở (sửa chữa trụ sở 2 triệu/m²; mua sắm trang thiết bị làm việc 100 triệu/trụ sở): 12.552.000.000đ.

+ Kinh phí mua sắm trang bị 25 trụ sở đã xây dựng (100 triệu/trụ sở): 2.500.000.000đ.

+ Xây mới 86 trụ sở là 94.600.000.000đ (xây dựng trụ sở 1 tỷ/1 trụ sở; mua sắm trang thiết bị 100 triệu/trụ sở).

- Khái toán theo từng địa phương như sau:

+ TP Yên Bái: 6 trụ sở (Sử dụng lại 4; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2) = 1.434.000.000đ.

+ TX Nghĩa Lộ: 3 trụ sở (Sử dụng lại 1; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 1; Xây mới 1) = 1.550.000.000đ.

+ Trấn Yên: 21 trụ sở (Sử dụng lại 6; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 4; Xây mới 11) = 14.190.000.000đ.

+ Văn Yên: 25 trụ sở (Sử dụng lại 3; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2; Xây mới 20) = 23.000.000.000đ.

+ Lục Yên: 24 trụ sở (Sử dụng lại 13; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 3; Xây mới 8) = 12.406.000.000đ.

+ Yên Bình: 24 trụ sở (Sử dụng lại 6; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 4; Xây mới 14) = 17.420.000.000đ.

+ Văn Chấn: 31 trụ sở (Sử dụng lại 8; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 5; Xây mới 18) = 21.772.000.000đ.

+ Trạm Tấu: 12 trụ sở (Sử dụng lại 2; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2; Xây mới 8) = 9.360.000.000đ.

+ Mù Cang Chải: 14 trụ sở (Sử dụng lại 6; Mua sắm trang thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng 2; Xây mới 6) = 8.520.000.000đ.

(Phụ lục 3a, 3b)

- + Mù Cang Chải: 18 người (PTCAX 11, CAVTT 07).
- + Yên Bình: 10 người (TCAX 04, PTCAX 06).
- + Lục Yên: 01 người (PTCAX 01).

2.2. Năm 2020 là 85 người

- Trưởng CAX **41** người (*Nghị theo Nghị định số 108/NĐ-CP, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND: 04 người; Nghỉ hưu: 05 người; Bố trí, sắp xếp công tác khác: 32 người*).

- Phó Trưởng CAX **39** người, CAVTT **05** người.
- Từng địa phương cụ thể như sau:
 - + Trấn Yên: 07 người (TCAX 04, PTCAX 03).
 - + Trạm Tấu: 02 người (TCAX 01, PTCAX 01).
 - + Yên Bình: 10 người (TCAX 05, PTCAX 05).
 - + Văn Chấn: 13 người (TCAX 06, PTCAX 07).
 - + Văn Yên: 41 người (TCAX 20, PTCAX 17, CAVTT 04).
 - + Lục Yên: 08 người (TCAX 04, PTCAX 04).
 - + Mù Cang Chải: 04 người (TCAX 01, PTCAX 02, CAVTT 01).

2.3. Năm 2021 là 187 người

- Trưởng CAX **90** người (*Nghị theo Nghị định số 108/NĐ-CP: 05 người; Nghỉ hưu: 02 người; Bố trí, sắp xếp công tác khác: 83 người*)

- Phó Trưởng CAX **83** người, CAV thường trực **14** người.
- Từng địa phương cụ thể như sau:
 - + Trạm Tấu: 16 người (TCAX 08, PTCAX 08).
 - + Nghĩa Lộ: 07 người (TCAX 03, PTCAX 03, CAVTT 01).
 - + Văn Chấn: 31 người (TCAX 16, PTCAX 14, CAVTT 01).
 - + Trấn Yên: 18 người (TCAX 10, PTCAX 08).
 - + Văn Yên: 15 người (TCAX 07, PTCAX 07, CAVTT 01).
 - + Lục Yên: 36 người (TCAX 19, PTCAX 16, CAVTT 01).
 - + Mù Cang Chải: 18 người (TCAX 06, PTCAX 06, CAVTT 06).
 - + Yên Bình: 27 người (TCAX 14, PTCAX 13).
 - + Thành phố Yên Bái: 19 người (TCAX 07, PTCAX 08, CAVTT 04).

(Phụ lục 2d)

IV. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TRỤ SỞ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Phương án bố trí trụ sở

- Phương án sử dụng lại: **49** trụ sở (*Các trường học, trạm y tế, trụ sở xã... dôi dư*).
- Phương án tiếp tục sử dụng (*Hiện Công an cấp huyện đang quản lý sử dụng, sẽ bàn giao cho Công an xã theo lộ trình*): **25** trụ sở, trong đó:

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐỐI VỚI TRƯỞNG CÔNG AN, PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN VÀ CÔNG AN VIÊN THƯỜNG TRỰC KHI ĐIỀU ĐỘNG CÔNG AN CHÍNH QUY

1. Quan điểm bố trí, sắp xếp

1.1. Đối với Trưởng Công an xã

- Trường hợp đã bố trí cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã thì cho thôi giữ chức danh kiêm nhiệm.

- Những trường hợp có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp được UBND cấp huyện có phương án bố trí, sắp xếp sang đảm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã còn thiếu.

- Những trường hợp có nguyện vọng nghỉ công tác thì giải quyết hưởng chế độ, chính sách theo Luật BHXH; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.2. Đối với chức danh Phó Trưởng Công an xã, Công an viên thường trực

Được xem xét đề tiếp tục làm nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở cơ sở. Trong trường hợp không bố trí, sắp xếp được sẽ kết thúc nhiệm vụ theo lộ trình điều động Công an xã chính quy, được hưởng chính sách bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách khác (nếu có) theo quy định; được hưởng chính sách hỗ trợ khi nghỉ việc theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; quy định số lượng chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và khoán Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Phương án bố trí, sắp xếp

Tổng số Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an, Công an viên thường trực cần sắp xếp giai đoạn 2019-2021 là **326** người, cụ thể như sau:

2.1. Năm 2019 là 54 người

- Trưởng CAX **08** người (Nghị theo Nghị định số 108/NĐ-CP, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND: 04 người; Nghỉ hưu: 02 người; Bố trí, sắp xếp công tác khác: 02 người)

- Phó Trưởng CAX **39** người, CAV thường trực **07** người.

- Từng địa phương cụ thể như sau:

+ Trấn Yên: 07 người (TCAX 01, PTCAX 06).

+ Văn Chấn: 12 người (TCAX 02, PTCAX 10).

+ Trạm Tấu: 06 người (TCAX 01, PTCAX 05).

- Yên Bình 04 xã (Tân Nguyên, Đại Minh, Cẩm Nhân và thị trấn Yên Bình): 12 người.

- Trạm Tầu 01 xã (Pá Lau): 03 người.

- Mù Cang Chải 01 xã (Chế Tạo): 03 người.

(Phụ lục 2b)

1.3. Năm 2021

Điều động Công an chính quy tại 87 xã, thị trấn còn lại với 261 người (87 Trưởng CAX, 87 Phó Trưởng CAX, 87 CAVTT), cụ thể là:

- Lục Yên: 19 xã với 57 người.

- Văn Chấn: 16 xã với 48 người.

- Yên Bình: 14 xã với 42 người.

- Trấn Yên: 10 xã với 30 người.

- Trạm Tầu: 08 xã với 24 người.

- Mù Cang Chải: 06 xã với 18 người.

- Văn Yên: 05 xã với 15 người.

- Thị xã Nghĩa Lộ: 03 xã với 09 người.

- Thành phố Yên Bái: 06 xã với 18 người.

(Phụ lục 2c)

Trong quá trình thực hiện theo giai đoạn trên, các xã chưa điều động Công an chính quy thì lực lượng Công an xã bán chuyên trách vẫn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Pháp lệnh Công an xã.

2. Nguồn cán bộ điều động

Hiện tại, nguồn cán bộ Công an tỉnh đang quy hoạch các chức danh lãnh đạo, chỉ huy cấp đội có 427 đồng chí đảm bảo đủ để điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Trưởng, Phó trưởng Công an xã, Công an viên đối với 160 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở biên chế của các đơn vị, Công an tỉnh sẽ tiến hành rà soát, lựa chọn điều động theo hướng ưu tiên nguồn tại chỗ của Công an cấp huyện. Trường hợp Công an cấp huyện không có nguồn tại chỗ, hoặc để giảm quân số ở Công an tỉnh theo tỷ lệ Bộ Công an quy định, Công an tỉnh sẽ tiến hành điều động cán bộ từ các phòng nghiệp vụ xuống đảm nhiệm các chức danh Công an cấp cơ sở.

3. Chế độ, chính sách

Cán bộ Công an chính quy được điều động đảm nhiệm các chức danh Công an xã được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC 2c
Phương án bố trí Công an xã chính quy năm 2021

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bản chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
	Tổng số	812	90	83	639	900	261	87	87	87	639		
I	Huyện Trạm Tấu	55	8	8	39	63	24	8	8	8	39		
1	Bản Công	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP
2	Xà Hồ	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
3	Trạm Tấu	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
4	Bản Mù	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
5	Hát Lừu	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
6	TT Trạm Tấu	5	1	1	3	6	3	1	1	1	3	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
7	Pá Hu	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
8	Tà Xi Láng	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
II	Thị xã Nghĩa Lộ	29	3	3	23	32	9	3	3	3	23		
1	Nghĩa Lợi	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ hưu
2	Nghĩa Phúc	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
3	Nghĩa An	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bán chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
III	Huyện Văn Chấn	154	16	14	124	172	48	16	16	16	124		
1	Thị trấn Nông trường Trần Phú	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Phó Chủ tịch UBND xã
2	Phù Nham	15	1	1	13	16	3	1	1	1	13	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
3	Nậm Búng	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý III	- Điều động Trưởng CAX làm Phó Chủ tịch HĐND
4	Thanh Lương	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Điều động Trưởng CAX làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
5	Suối Giàng	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Điều động Trưởng CAX làm Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
6	Đại Lịch	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý II	- Điều động Trưởng CAX làm Chủ tịch Hội cựu chiến binh
7	Bình Thuận	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Điều động Trưởng CAX làm văn phòng, thống kê
8	Thị trấn Nông trường Liên Sơn	7	1	0	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
9	Sơn A	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
10	Gia Hội	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/NĐ-CP
11	Nghĩa Sơn	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
12	Suối Quyền	6	1	0	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX - Có 01 CA viên thường trực

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bản chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
13	Nghĩa Tâm	16	1	1	14	17	3	1	1	1	14	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
14	Minh An	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
15	Thạch Lương	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
16	Nậm Mười	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
IV	Huyện Trấn Yên	111	10	8	93	123	30	10	10	10	93		
1	Lương Thịnh	15	1	0	14	17	3	1	1	1	14	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX
2	Việt Thành	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX
3	Minh Quân	9	1	0	8	11	3	1	1	1	8	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX
4	Bào Hưng	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX
5	Việt Cường	14	1	1	12	15	3	1	1	1	12	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX
6	Đào Thịnh	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX
7	Cường Thịnh	7	1	0	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Bố trí Trưởng CAX đảm nhiệm chức danh tư pháp - hồ tịch
8	Y Can	15	1	2	12	15	3	1	1	1	12	Quý II	Bố trí công tác khác với Trưởng CAX Y Can mới
9	Kiên Thành	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	Bố trí Trưởng CAX đảm nhiệm chức danh tư pháp - hồ tịch
10	Hưng Thịnh	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý II	- Bố trí công tác khác với Trưởng CAX

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bản chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
V	Huyện Văn Yên	48	7	7	34	49	15	5	5	5	34		
1	Đại Sơn	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý I	Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP
2	Châu Quế Thượng	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý I	- Bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX
3	Mậu Đông	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý I	- Bổ trí công tác khác với Trưởng CAX
4	Xuân Ái	12	2	2	8	11	3	1	1	1	8	Quý I	Bổ trí, sắp xếp công tác khác với Trưởng CAX Xuân Ái mới
5	Yên Thái	12	2	2	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	Bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX Yên Thái mới
VI	Huyện Lục Yên	187	19	16	152	209	57	19	19	19	152		
1	Phúc Lợi	13	1	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ chế độ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP
2	Yên Thắng	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Trưởng CAX nghỉ hưu
3	Trúc Lâu	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX
4	Động Quan	15	1	1	13	16	3	1	1	1	13	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX
5	Khánh Hòa	8	1	0	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX
6	An Lạc	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX
7	Tô Mậu	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX
8	Tân Lĩnh	11	1	0	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác đối với Trưởng CAX

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy				Công an viên (bản chuyên trách)		
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên			
9	Mường Lai	14	1	1	12	15	3	1	1	1	12	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
10	Vĩnh Lạc	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
11	An Phú	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
12	Minh Tiến	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
13	Liễu Đò	12	1	1	10	13	3	1	1	1	10	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
14	Minh Xuân	17	1	1	15	18	3	1	1	1	15	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
15	Mai Sơn	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
16	Khai Trung	2	1	0	1	4	3	1	1	1	1	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
17	Minh Chuẩn	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
18	Tân Lập	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
19	Phan Thanh	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
VII	H.Mù Cang Chải	56	6	6	44	62	18	6	6	6	44		
1	Thị trấn Mù Cang Chải	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Điều động Trưởng CAX làm Phó Chủ tịch UBND xã
2	Hồ Bốn	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bán chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
3	Mỏ Dề	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
4	Nậm Khắt	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
5	Púng Luông	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
6	Kim Nội	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
VIII	Huyện Yên Bình	115	14	13	88	130	42	14	14	14	88		
1	Bảo Ái	13	1	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
2	Mông Sơn	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
3	Đại Đồng	6	1	0	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
4	Phú Thịnh	10	1	2	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí làm công tác khác đối với Trưởng CAX Văn Lãng mới
5	Thịnh Hưng	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
6	Hán Đà	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
7	Yên Bình	10	1	1	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
8	Bạch Hà	9	1	1	7	10	3	1	1	1	7	Quý IV	- Trưởng CAX giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/NĐ-CP

STT	Đơn vị, địa bàn	Thực trạng Công an xã				Phương án bố trí						Thời gian dự kiến	Ghi chú
		Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX	Công an viên	Tổng số	Chính quy			Công an viên (bán chuyên trách)			
							Tổng số	Trưởng CAX	Phó Trưởng CAX		Công an viên		
9	Mỹ Gia	4	1	1	2	5	3	1	1	1	2	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
10	Phúc Ninh	3	1	0	2	5	3	1	1	1	2	Quý IV	- Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
11	Ngọc Chấn	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
12	Xuân Lai	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
13	Thị trấn Thác Bà	6	1	1	4	7	3	1	1	1	4	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
14	Tân Hương	13	1	1	11	14	3	1	1	1	11	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
IX	TP. Yên Bái	57	7	8	42	60	18	6	6	6	42		
1	Ấu Lâu	11	1	1	9	12	3	1	1	1	9	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
2	Minh Bảo	7	1	1	5	8	3	1	1	1	5	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
3	Tân Thịnh	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
4	Tuy Lộc	8	1	1	6	9	3	1	1	1	6	Quý IV	- Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX
5	Giới Phiên	12	2	2	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX Giới Phiên mới
6	Văn Tiến	11	1	2	8	11	3	1	1	1	8	Quý IV	Bố trí công tác khác đối với Trưởng CAX Văn Phú mới

- Tổng số xã, thị trấn đề nghị:

87

- Tổng số Công an chính quy đưa xuống:

261

PHỤ LỤC 2d
Phương án sắp xếp Công an xã bán chuyên trách năm 2019 - 2021

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)									
			Nghỉ hưu			Nghị theo Nghị định 108/2014/ ND-CP			Nghị theo Nghị quyết 07/2018/NQ/ HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghị theo NQ 27/2019/ NQ-HĐND												
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021										
1	TP Yên Bái	19															7							12			
	Trưởng CAX	7																						7		- Năm 2021: Bổ trí công tác khác với 07 đ/c (Ấu Lâu, Minh Bảo, Tân Thịnh, Tuy Lộc, Giới Phiên, Phúc Lộc, Văn Phú)	
	Phó Trưởng CAX	8																							8	- Năm 2021: + Cho thôi việc 08 đ/c (Tuy Lộc, Tân Thịnh, Minh Bảo, Văn Tiến, Văn Phú, Giới Phiên, Phúc Lộc, Văn Tiến) - Dự kiến số tiền: 35,760,000 đ.	
	CAV TT	4																							4	- Năm 2021: Cho thôi việc 04 đ/c (Ấu Lâu, Tân Thịnh, Giới Phiên, Phúc Lộc) - Dự kiến số tiền: 17,880,000 đ	
2	TX Nghĩa Lộ	7			1																		2			4	
	Trưởng CAX	3			1																			2		- Năm 2021: + Giải quyết nghỉ hưu 01 Trưởng CAX (Nghĩa Lộ); + Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác 02 đ/c (Nghĩa Phúc, Nghĩa An)	
	Phó Trưởng CAX	3																							3	- Năm 2021: Cho thôi việc 03 đ/c (Nghĩa Lộ, Nghĩa Phúc, Nghĩa An) - Dự kiến số tiền: 13,410,000 đ	
	CAV TT	1																							1	- Năm 2021: Cho thôi việc 01 đ/c (Nghĩa Phúc) - Dự kiến số tiền: 4,470,000 đ	

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)		
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/NQ-HĐND					
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021			
4	H. Văn Yên	56					2	1					0	18	6	0	21	8		
	Trưởng CAX	27					2	1						18	6					<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: + Bổ trí công tác khác 18 đ/c (Lâm Giang, Lang Thíp, Mỏ Vàng, Đông An, An Bình, Đông Cuông, Mậu A, Ngòi A, Tân Hợp, Viễn Sơn, Nà Hấu, Châu Quế Hạ, Phong Dụ Hạ, Xuân Tâm, Yên Hợp, Quang Minh, Yên Phú, Đại Phác) + Giải quyết theo Nghị định 108/2014/ND-CP: 02 đ/c (Phong Dụ Thượng, An Thịnh) - Dự kiến số tiền 122,000,000đ - Năm 2021: + Bổ trí công tác khác 06 đ/c (Châu Quế Thượng, Mậu Đông, Xuân Ái, Hoàng Thắng, Yên Hưng, Yên Thái) + Giải quyết theo Nghị định 108/2014/ND-CP: 01 đ/c (Đại Sơn) - Dự kiến số tiền 63,000,000
	Phó Trưởng CAX	24															17	7		<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: Cho thôi việc 17 đ/c (Lâm Giang, Lang Thíp, Mỏ Vàng, Đông Cuông, Mậu A, Viễn Sơn, Đại Phác, Phong Dụ Thượng, Đông An, Ngòi A, An Thịnh, Tân Hợp, Phong Dụ Hạ, Xuân Tâm, Yên Hợp, Quang Minh, Yên Phú) + Dự kiến số tiền: 75.990.000 đ - Năm 2021: + Cho thôi việc 07 đ/c (Châu Quế Thượng, Mậu Đông, Xuân Ái, Yên Thái, Yên Hưng, Đại Sơn, Hoàng Thắng) + Dự kiến số tiền 31,290,000 đ

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách														Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)	
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/ HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/ NQ-HĐND			
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020		2021
	CAV TT	5													4	1	- Năm 2020: + Cho thôi việc: 04 đ/c (Mò Vàng, Lâm Giang, Viễn Sơn, Hà Nẫu) + Dự kiến số tiền 17,880,000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc: 01 đ/c (Hoàng Thắng) + Dự kiến số tiền 4,470,000 đ	
5	H. Văn Chấn	60	1				1					1	6	15	10	7	15	
	Trưởng CAX	24	1				1					1	6	15				- Năm 2019: + Giải quyết nghỉ hưu 01 đ/c (Thượng Bằng La) + Bổ trí công tác khác 01 đ/c (An Lương) - Năm 2020: Bổ trí công tác khác 06 đ/c (Hạnh Sơn, Sơn Thịnh, Tân Thịnh, TTNT Nghĩa Lộ, Đồng Khê, Tú Lệ) - Năm 2021: + Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác 08 đ/c (TTNT Liên Sơn, Sơn A, Nghĩa Sơn, Suối Quyền, Nghĩa Tâm, Minh An, Thạch Lương, Nậm Mười) + Bổ trí công tác khác 07 đ/c (TTNT Trần Phú, Phú Nham, Nậm Búng, Thanh Lương, Suối Giàng, Đại Lịch, Bình Thuận) + Nghỉ theo Nghị định 108: 01 đ/c (Gia Hội) - Dự kiến số tiền 61,000,000 đ

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/ HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/ NQ-HĐND			
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	
	Phó Trưởng CAX	31												10	7	14	- Năm 2019: Cho thôi việc 10 đ/c (Nậm Lành, Phúc Sơn, Sùng Đô, Sơn Lương, Suối Bu, Chấn Thịnh, Cát Thịnh, Thượng Bằng La, An Lương) - Dự kiến số tiền 44.700.000 đ - Năm 2020: Cho thôi việc 07 đ/c (Hạnh Sơn, Sơn Thịnh, Tân Thịnh, TTNT Nghĩa Lộ, Đông Khê, Tú Lệ) - Dự kiến số tiền 31.290.000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc 14 đ/c (TTNT Trần Phú, Phú Nham, Nậm Búng, Thanh Lương, Suối Giàng, Đại Lịch, Bình Thuận, Sơn A, Gia Hội, Nghĩa Sơn, Nghĩa Tằm, Minh An, Thạch Lương, Nậm Mười) - Dự kiến số tiền 62.580.000 đ	
	CAV TT	5														1	- Năm 2021: Cho thôi việc 01 đ/c (Suối Quỳen) - Dự kiến số tiền 4.470.000 đ	
6	H. Trạm Tấu	24		1		1		1						7	5	1	8	
	Trưởng CAX	10		1		1		1						7				- Năm 2019: Giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/2014/ ND-CP: 01 đ/c (Phình Hồ) - Dự kiến số tiền 82,495,000 đ - Năm 2020: Giải quyết nghỉ hưu: 01 đ/c (Pá Lau) - Năm 2021: + Giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/2014/ ND-CP: 01 đ/c (Bản Công) - Dự kiến số tiền 38,895,000 đ + Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác 07 đ/c (Xã Hồ, Trạm Tấu, Bản Mú, Hát Lừu, TT Trạm Tấu, Pá Hu, Tà Xi Láng)

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)				
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/ NQ-HĐND							
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021					
	Phó Trưởng CAX	14															5	1	8	- Năm 2019: Cho thôi việc: 05 đ/c (Làng Nhi, Túc Dán, Phình Hồ) - Dự kiến số tiền: 22,350,000 đ - Năm 2020: Cho thôi việc 01 đ/c (Pá Lau) - Dự kiến số tiền 4,470,000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc 08 đ/c (Bản Công, Xà Hồ, Trạm Tấu, Bản Mù, Hát Liru, TT Trạm Tấu, Pá Hu, Tà Xi Láng) - Dự kiến số tiền 35,760,000 đ		
	CAV TT																					
7	H. Mù Cang Chải	40															1	6	18	3	12	
	Trưởng CAX	7																1	6			- Năm 2020: + Bổ trí công tác khác 01 đ/c (TT MCC) - Năm 2021: + Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác 06 đ/c (Chế Tạo, Hồ Bốn, Mỏ Dề, Nậm Khắt, Púng Luông, Kim Nọi)
	Phó Trưởng CAX	19																	11	2	6	- Năm 2019: Cho thôi việc: 11 đ/c (Cao Phạ, Khao Mang, Nậm Có, Chế Cu Nha, Dế Xu Phình, Lao Chải, La Pán Tẩn) - Dự kiến số tiền 49,170,000 đ - Năm 2020: Cho thôi việc: 02 đ/c (Chế Tạo) - Số tiền 8.940.000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc: 06 đ/c (TT MCC, Hồ Bốn, Mỏ Dề, Nậm Khắt, Púng Luông, Kim Nọi) - số tiền 26.820.000 đ

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)		
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/NQ-HĐND					
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021			
	CAV TT	14												7	1	6	- Năm 2019: Cho thôi việc: 07 (Cao Phạ, Khao Mang, Nậm Cò, Chế Cu Nha, Dề Xu Phình, Lao Chải, La Pán Tẩn) - số tiền 31.290.000 đ - Năm 2020: Cho thôi việc: 01 đ/c (Chế Tạo) - Số tiền 4.470.000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc: 06 đ/c (TT MCC, Hồ Bốn, Mỏ Dề, Nậm Khắt, Púng Luông, Kim Nội) - số tiền 26.820.000đ			
8	H. Yên Bình	47	1			2		1		1			1	4	13	6	5	13		
	Trưởng CAX	23	1			2		1		1			1	4	13					- Năm 2019: + Giải quyết nghỉ hưu 01 đ/c (Vĩnh Kiên) + Giải quyết nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP: 02 đ/c (Xuân Long, Phúc An) - số tiền 140.000.000 đ + Bổ trí công tác khác: 01 đ/c (Yên Thành) - Năm 2020: + Bổ trí công tác khác: 04 đ/c (TT Yên Bình, Đại Minh, Cầm Nhân, Tích Cốc) + Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/HDND 01 đ/c (Tân Nguyên) - số tiền 150.000.000 đ - Năm 2021: Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác: 13 đ/c (Bảo Ấi, Mông Sơn, Đại Đồng, Thịnh Hưng, Hán Đà, Yên Bình, Mỹ Gia, Phúc Ninh, Ngọc Chấn, Xuân Lai, TT Thác Bà, Tân Hương, Văn Lăng) + Nghỉ theo ND 108: 01 đ/c (Bạch Hà) - số tiền 75.000.000 đ

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)			
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/HDND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/ NQ-HĐND						
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021				
	Phó Trưởng CAX	24															6	5	13	- Năm 2019: Cho thôi việc 06 đ/c (Cầm Ân, Vũ Linh, Vĩnh Kiên, Xuân Long, Phúc An, Yên Thành) - số tiền 26,820,000 đ - Năm 2020: Cho thôi việc 05 đ/c (Đại Minh, Tân Nguyên, TT Yên Bình, Cầm Nhân, Tích Cốc) - số tiền 22,350,000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc 13 đ/c (Bảo Ái, Mông Sơn, Phú Thịnh, Văn Lăng, Thịnh Hưng, Hán Đà, Yên Bình, Bạch Hà, Mỹ Gia, Ngọc Chấn, Xuân Lai, TT Thác Bà, Tân Hương) - số tiền 58,110,000 đ	
	CAV TT																				
9	H. Lục Yên	45		3	1		1	1									17	1	4	17	
	Trưởng CAX	23		3	1		1	1												17	- Năm 2020: + Giải quyết nghỉ hưu 03 đ/c (Khánh Thiện, Trung Tâm, TT Yên Thế) + Giải quyết Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP: 01 đ/c (Tân Phượng) - số tiền: 53,000,000 đ - Năm 2021: + Giải quyết nghỉ hưu 01 đ/c (Yên thắng) + Giải quyết Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP: 01 đ/c (Phúc Lợi) - số tiền 48,000,000 đ + Giải quyết nghỉ chế độ hoặc bổ trí công tác khác: 17 đ/c (Trúc Lâu, Động Quan, Khánh Hòa, An Lạc, Tô Mậu, Tân Lĩnh, Mường Lai, Vĩnh Lạc, An Phú, Minh Tiến, Liễu Độ, Minh Xuân, Mai Sơn, Khai Trung, Minh Chuẩn, Tân Lập, Phan Thanh)

STT	Đơn vị	Hiện trạng Trưởng CAX, P.Trưởng CAX và CAV TT tại xã, thị trấn	Dự kiến giải quyết Trưởng CAX, Phó Trưởng CAX, CAV bán chuyên trách															Ghi chú (PCAX và CAV TT giải quyết theo Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND tỉnh)		
			Nghỉ hưu			Nghỉ theo Nghị định 108/2014/ND-CP			Nghỉ theo Nghị quyết 07/2018/NQ/HĐND			Bổ trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc			Nghỉ theo NQ 27/2019/ NQ-HĐND					
			2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021	2019	2020	2021			
	Phó Trưởng CAX	21															1	4	16	- Năm 2019: Cho thôi việc: 01 đ/c (Lâm Thượng) - Dự kiến số tiền 4,470,000 đ - Năm 2020: Cho thôi việc: 04 đ/c (Khánh Thiện, Trung Tâm, TT Yên Thế, Tân Phương) - Dự kiến số tiền 17,880,000 đ - Năm 2021: Cho thôi việc: 16 đ/c (Trúc Lâu, Động Quan, An Lạc, Tô Mậu, Mường Lai, Vinh Lạc, An Phú, Minh Tiến, Liễu Đô, Minh Xuân, Mai Sơn, Minh Chuẩn, Tân Lập, Phan Thanh) - Dự kiến số tiền 71,520,000 đ
	CAV TT	1																	1	- Cho thôi việc: 01 đ/c (Phúc Lợi) - Dự kiến số tiền 4,470,000 đ
Tổng số			2	5	2	3	3	5	1	1		2	32	83	46	44	97			
	Trưởng CAX	139	2	5	2	3	3	5	1	1		2	32	83						
	Phó Trưởng CAX	161													39	39	83			
	CAV TT	26													7	5	14			
Kính phí dự kiến:		1.811.160.000 (Ngân sách tỉnh đảm bảo 1.117.770.000, ngân sách TW đảm bảo 683.390.000đ)																		

PHỤ LỤC SỐ 03A
TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ GIAI ĐOẠN 2019-2025

STT	Tên trụ sở	Tổng số		Trong đó:						Ghi chú
		Số lượng (trụ sở)	Kinh phí (triệu đồng)	Năm 2019 (*)		Năm 2020		Giai đoạn 2021-2025		
				Số lượng (trụ sở)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (trụ sở)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (trụ sở)	Kinh phí (triệu đồng)	
1	2	3 = 5+7+9	4 = 6+8+10	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số	160	109,652			50	23,000	110	86,652	
1	Các trụ sở tận dụng lại cơ sở vật chất cũ hiện có	49	12,552			13	3,300	36	9,252	Kinh phí được xác định theo định mức sửa chữa. Năm 2021 đầu tư các trụ sở còn lại
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	25	2,500			21	2,100	4	400	Mua sắm mỗi trụ sở với kinh phí 100 triệu đồng
3	Các trụ sở xây dựng mới giai đoạn 2020-2025	86	94,600			16	17,600	70	77,000	Xây dựng mới 1.000 triệu đồng/01 trụ sở và mua sắm thiết bị 100 triệu đồng/01 trụ sở. Giai đoạn 2021-2025 mỗi năm đầu tư xây dựng 14 trụ sở

* Ghi chú: Năm 2019 không bao gồm 10 trụ sở đã được giao vốn để triển khai thực hiện (dự kiến hoàn thành trong năm 2019).

PHỤ LỤC SỐ 03B
DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ GIAI ĐOẠN 2019-2025

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	160				109,652		
1	Thành phố Yên Bái	06				1,434		
1	Phương án sử dụng lại	04				1,234		
1.1	Xã Âu Lâu	01	Trụ sở làm việc của Công an xã (UBND xã bố trí cho đây nhà làm việc riêng với 03 phòng làm việc). Diện tích = 42m2	Trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (42m2) = 84 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	184	2021	
1.2	Xã Minh Bảo	01	Trường Mầm non Thanh Bình, xã Minh Bảo. Diện tích: 1200m2	Cách trụ sở UBND xã 01km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.3	Xã Tân Thịnh	01	Trường Mầm non Tân Thịnh, xã Tân Thịnh. Diện tích: 700m2	Cách trụ sở UBND xã 01km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.4	Xã Tuy Lộc	01	Trụ sở UBND xã (cũ). Diện tích 1500m2	Cách trụ sở UBND xã 0,5km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	02				200		
2.1	Xã Văn Tiến	01	Sử dụng trụ sở của Công an đã được UBND và Công an xây dựng.		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Giới Phiên	01	Xã Phúc Lộc đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Xã Phúc Lộc sát nhập vào xã Giới Phiên. Diện tích = 125m2 (05 phòng).		Chi cần mua trang bị 100 triệu đồng	100	2020	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Huyện Trấn Yên	21				14,190		
I	Phương án sử dụng lại	06				1,690		
1.1	Xã Văn Hội	01	Hội trường thôn Đồng Chảo, xã Văn Hội. Diện tích 40m2	Cách trụ sở UBND xã 03km	Sửa chữa (40m2)=80 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	180	2020	
1.2	Xã Lương Thiện	01	Điểm trường thôn Lương Thiện, xã Lương Thiện. Diện tích 50m2	Cách trụ sở UBND xã 100m	Sửa chữa (50m2)= 100 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	200	2021	
1.3	Xã Minh Quân	01	Trường Tiểu học Minh Quân khu B, địa chỉ: thôn Linh Đức, xã Minh Quân. Diện tích 1746m2	Cách trụ sở UBND xã 2,5km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.4	Xã Việt Cường	01	Điểm trường thôn 4, xã Việt Cường. Diện tích 150m2	Cách trụ sở UBND xã 03km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.5	Xã Kiên Thành	01	Điểm trường thôn Kiên Lao, xã Kiên Thành. Diện tích 160m2	Cách trụ sở UBND xã 05km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.6	Xã Hưng Thịnh	01	Trường Mầm non xã Hưng Thịnh, địa chỉ: Thôn Yên Thuận. xã Hưng Thịnh. Diện tích 80m2	Cách trụ sở UBND xã 02km	Sửa chữa (80m2)=160 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	260	2021	
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	04				400		
2.1	Xã Bảo Đáp	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Hưng Khánh	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.3	Xã Y Can	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Chi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
2.4	Xã Quy Mông	01	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).			1.1 tỷ đồng	100	2020	
3	Phương án xây mới	11				12,100			
3.1	Xã Việt Hồng, xã Nga Quán, xã Tân Đông, xã Hòa Cường, TT. Cỏ Phức, xã Hồng Ca, xã Minh Quán, xã Việt Thành, xã Bảo Hưng, xã Đào Thịnh, xã Cường Thịnh	11	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m2/trụ sở			12,1 tỷ đồng	12,100		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.
III	Huyện Văn Yên	25				23,000			
1	Phương án sử dụng lại	03				800			
1.1	Xã An Bình	01	Trụ sở Cụm Công an Trái Hút	Cách trụ sở UBND xã 01km	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020		
1.2	Xã Xuân Ái	01	Tận dụng trụ sở đôi đư do sát nhập xã Hoàng Thắng vào xã Xuân Ái.		Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021		
1.3	Xã Yên Thái	01	Tận dụng trụ sở đôi đư do sát nhập xã Yên Hưng vào xã Yên Thái.		Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021		
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	02				200			
2.1	Xã Lang Thíp	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).			100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Châu Quế Hạ	01	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).			Chỉ cần mua trang bị 100 triệu đồng	100	2020	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Phương án xây mới	20				22,000		
3.1	Xã Phong Dụ Hạ, xã Xuân Tâm, xã Yên Hợp, xã Quang Minh, xã Yên Phú, Xã Lâm Giang, xã Mỏ Vàng, xã Phong Dụ Thượng, xã Đông An, xã Đông Cường, TT. Mậu A, xã Ngòi A, xã An Thịnh, xã Tân Hợp, xã Viễn Sơn, xã Nà Hấu, xã Đại Phác, Xã Châu Quế Thượng, xã Mậu Đông, xã Đại Sơn	20	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m2/trụ sở		22 tỷ đồng	22,000		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.
IV	Huyện Lục Yên	24				12,406		
1	Phương án sử dụng lại	13				3,306		
1.1	Xã Khánh Thiện	01	Trụ sở UBND xã (cũ), địa chỉ: thôn Tổng Mộ xã Khánh Thiện. Diện tích 130m2	Cách trụ sở UBND xã 2,4km	Sửa chữa (130m2)=260 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	360	2020	
1.2	Xã Tân Phương	01	Trường Mầm non và Tiểu học, địa chỉ: Thôn Khiêng Khum, xã Tân Phương. Diện tích 170m2.	Cách trụ sở UBND xã 3,2km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2020	
1.3	Xã Trúc Lâu	01	Nhà Công vụ UBND xã Trúc Lâu (cũ), địa chỉ: Thôn Bán Chang, xã Trúc Lâu. Diện tích 60m2.	Trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (60m2)=120 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	220	2021	
1.4	Xã Động Quan	01	Lớp Mầm non thôn 2, địa chỉ: Thôn 2, xã Động Quan. Diện tích 80m2.	Cách trụ sở UBND xã 01km	Sửa chữa (80m2)=160 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	260	2021	
1.5	Xã Khánh Hòa	01	Nhà Công vụ UBND xã Khánh Hòa (cũ), địa chỉ: Thôn Táp Diều, xã Khánh Hòa. Diện tích 105m2.	Trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (105m2)=210 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	310	2021	
1.6	Xã An Lạc	01	Điểm trường KM72 - QL70, địa chỉ: Thôn Làng Chả, xã An Lạc. Diện tích 58m2.	Cách trụ sở UBND xã 04km	Sửa chữa (58m2)=116 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	216	2021	
1.7	Xã Tân Lĩnh	01	UBND xã Tân Lĩnh (cũ), địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tân Lĩnh. Diện tích 32m2.	Cách trụ sở UBND xã 50m	Sửa chữa (32m2)=64 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	164	2021	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.8	Xã Minh Tiến	01	Phòng khám đa khoa xã Minh Tiến. Diện tích 60m ² .	Cách trụ sở UBND xã 600m	Sửa chữa (60m ²)=120 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	220	2021	
1.9	Xã Liễu Đô	01	Trường Mầm non và Tiểu học, địa chỉ: Thôn Đồng Tâm, xã Liễu Đô. Diện tích 40m ² .	Cách trụ sở UBND xã 1,2km	Sửa chữa (40m ²)=80 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	180	2021	
1.10	Xã Minh Xuân	01	Hội trường thôn, địa chỉ: Thôn 21, xã Minh Xuân. Diện tích 60m ² .	Cách trụ sở UBND xã 01km	Sửa chữa (60m ²)=120 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	220	2021	
1.11	Xã Mai Sơn	01	Đội Thuế số 2, địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Mai Sơn. Diện tích 70m ² .	Cách trụ sở UBND xã 200m	Sửa chữa (70m ²)=140 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	240	2021	
1.12	Xã Khai Trung	01	Trường Mầm non xã Khai Trung. Diện tích 58m ² .	Cách trụ sở UBND xã 150m	Sửa chữa (50m ²)=116tr Mua máy móc 100 triệu đồng	216	2021	
1.13	Xã Phan Thanh	01	Điểm trường Hóc, Bản Hóc, xã Phan Thanh. Diện tích 450m ² .	Cách trụ sở UBND xã 03km	Sửa chữa (125m ²)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	03				300		
2.1	TT. Yên Thế	01	Sử dụng trụ sở của Công an đã được UBND và Công an xây dựng.		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Lâm Thượng, xã Mường Lai	02	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo AN-QP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		Chỉ cần mua trang bị 200 triệu đồng	200	2020	
3	Phương án xây mới	08				8,800		
3.1	Xã Trung Tâm, Xã Phúc Lợi, xã Yên Thắng, xã Tô Mậu, xã Vĩnh Lạc, xã An Phú, xã Minh Chuẩn, xã Tân Lập	08	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m ²		8,8 tỷ đồng	8.800		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
V	Huyện Yên Bình	24				17,420		
1	Phương án sử dụng lại	06				1,620		
1.1	Xã Phúc An	01	Hội trường UBND xã Phúc An, địa chỉ: thôn Đồng Tha, xã Phúc An. Diện tích 120m ² .	Cách trụ sở UBND xã 20m	Sửa chữa (120m ²)=240 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	340	2020	
1.2	Xã Cẩm Nhân	01	Sát nhập xã Tích Cốc vào xã Cẩm Nhân nên có thể tận dụng các trụ sở đôi dư.		Sửa chữa (125m ²)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2020	
1.3	Xã Tân Hương	01	Trụ sở Công an xã Tân Hương. Diện tích 90m ² .	Trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (90m ²)=180 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	280	2021	
1.4	Xã Bảo Ái	01	Trụ sở làm việc do Công an huyện xây dựng từ năm 2013. Diện tích 90m ² .	Cách trụ sở UBND xã 01 km	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	
1.5	Xã Phú Thịnh	01	Sát nhập xã Văn Lãng vào xã Phú Thịnh nên có thể tận dụng các trụ sở đôi dư.		Sửa chữa (125m ²)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.6	Xã Bạch Hà	01	Hội trường lớp học, địa chỉ: Thôn Ngòi Giàng, xã Bạch Hà. Diện tích 50m ² .	Cách trụ sở UBND xã 1,2 km	Sửa chữa (50m ²)=100 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	200	2021	
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	04				400		
2.1	Xã Yên Thành	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Yên Bình	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.3	Xã Xuân Long, xã Đại Minh	02	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo AN-QP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		Chỉ cần mua trang bị 200 triệu đồng	200	2020	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Phương án xây mới	14				15,400		
3.1	Xã Ngọc Chấn, xã Xuân Lai, TT. Thác Bả, xã Móng Sơn, xã Đại Đồng, xã Thịnh Hưng, xã Hán Đà, xã Mỹ Gia, xã Phúc Ninh, Xã Cầm Ân, xã Vũ Linh, xã Vĩnh Kiên, TT. Yên Bình, xã Tân Nguyên	14	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m ²		15.4 tỷ đồng	15.400		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.
VI	Huyện Văn Chấn	31				21,772		
1	Phương án sử dụng lại	08				1,472		
1.1	Xã Phúc Sơn	01	UBND xã bố trí 03 phòng làm việc nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã. Diện tích 86m ² .	Trong khuôn viên UBND xã	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	
1.2	Xã Tân Thịnh	01	UBND xã bố trí 04 phòng làm việc nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã. Diện tích 120m ² .	Trong khuôn viên UBND xã	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	
1.3	TTNT Liên Sơn	01	Nhà văn hóa Tổ 2, Liên Sơn. Diện tích 205m ² .	Cách trụ sở UBND 700m	Sửa chữa (125m ²)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.4	TTNT Trần Phú	01	Bệnh viện khu vực chè Trần Phú. Diện tích 200m ² .	Cách trụ sở UBND 200m	Sửa chữa (125m ²)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	
1.5	Xã Nậm Búng	01	Hội trường thôn Chấn Hưng 1 hoặc Chấn Hưng 4, xã Nậm Búng. Diện tích 50m ² .	Cách trụ sở UBND xã 02km	Sửa chữa (50m ²)=100 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	200	2021	
1.6	Xã Đại Lạch	01	Phòng làm việc, bếp ăn, chỗ nghỉ nằm trong khuôn viên UBND xã. Diện tích 80m ² .	Trong khuôn viên UBND xã	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	
1.7	Xã Bình Thuận	01	UBND xã bố trí 03 phòng trong khuôn viên UBND xã.	Trong khuôn viên UBND xã	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	
1.8	Xã Suối Quyền	01	Trạm Y tế xã (cũ), 03 phòng, diện tích 36m ² .	Cách trụ sở UBND 200m	Sửa chữa (36m ²)=72 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	172	2021	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	05				500		
2.1	Xã Thượng Bằng La	01	Sử dụng trụ sở của Công an đã được UBND và Công an xây dựng.		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	TTNT Nghĩa Lộ, xã Tú Lệ	02	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).		200 triệu đồng (không phải sửa chữa)	200	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.3	Xã Thanh Lương	01	Sử dụng trụ sở của Công an đã được UBND và Công an xây dựng.		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.4	Xã Minh An	01	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo AN-QP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m2 (05 phòng).		Chi cần mua trang bị 100 triệu đồng	100	2020	
3	Phương án xây mới	18				19,800		
3.1	Xã Nậm Lành, xã Súng Đỏ, xã Sơn Lương, xã Suối Bù, xã Chấn Thịnh, xã Cát Thịnh, xã An Lương, Xã Hạnh Sơn, xã Sơn Thịnh, xã Đồng Khê, Xã Phú Nham, xã Suối Giàng, xã Sơn A, xã Gia Hội, xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Tám, xã Thạch Lương, xã Nậm Mười	18	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m2/trụ sở		19,8 tỷ đồng	19,800		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.
VII	TX. Nghĩa Lộ	03				1,550		
1	Phương án sử dụng lại	01				350		
1.1	Xã Nghĩa Lợi	01	Điểm trường Mầm non Hoa Sen, địa chỉ: Bản Chao, xã Nghĩa Lợi. Diện tích 160m2.	Cách trụ sở UBND xã 0,7 km	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2021	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	01				100		
2.1	Xã Nghĩa Phúc	01	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo AN-QP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		Chi cần mua trang bị 100 triệu đồng	100	2020	
3	Phương án xây mới	01				1.100		
3.1	Xã Nghĩa An	01	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m ²		1,1 tỷ đồng	1.100		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn
VIII	Huyện Trạm Tấu	12				9,360		
1	Phương án sử dụng lại	02				360		
1.1	Xã Trạm Tấu	01	Trụ sở Ban Công an xã Trạm Tấu, địa chỉ: Thôn Km14+17, xã Trạm Tấu. Diện tích 81m ² .	Cách trụ sở UBND xã 150m	100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	
1.2	Xã Hát Lừu	01	Điểm trường Hát 1, địa chỉ: Bản Hát 1, xã Hát Lừu. Diện tích 80m ² .	Cách trụ sở UBND xã 05km	Sửa chữa (80m ²)=160 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	260	2021	
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	02				200		
2.1	Xã Pá Lau	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Bản Mú	01	Đã được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo ANQP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2021	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Phương án xây mới	08				8,800		
3.1	Xã Láng Nhì, xã Túc Đán, xã Phình Hồ, Xã Bàn Công, xã Xã Hồ, TT. Trạm Tấu, xã Pá Hu, xã Tà Xi Láng	08	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m2/trụ sở		8,8 tỷ đồng	8,800		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.
IX	Huyện Mù Cang Chải	14				8,520		
1	Phương án sử dụng lại	06				1,720		
1.1	Xã Cao Pha	01	Trạm Y tế xã Cao Pha (cũ), hiện có 02 phòng làm việc của Công an xã Cao Pha và 02 phòng làm việc của Hội phụ nữ xã. Diện tích 180m2.	Nằm trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2020	
1.2	Xã Nậm Cồ	01	Dãy nhà quản lý thủy điện (cũ), hiện có 03 phòng làm việc của Công an xã Nậm Cồ. và 02 phòng làm việc do đoàn thể xã sử dụng. Diện tích 25m2/phòng.	Nằm trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (125m2)=250 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	350	2020	
1.3	Xã Dẽ Xu Phình	01	Trụ sở UBND xã (cũ) hiện Công an xã Dẽ Xu Phình sử dụng 02 phòng tại tầng 1. Diện tích 50m2.	Nằm trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (50m2)=100 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	200	2020	
1.4	Xã Lao Chải	01	02 phòng làm việc tại trụ sở UBND xã Lao Chải. Dây nhà tách rời với nhà làm việc của UBND xã, hiện còn 03 phòng do đoàn thể xã sử dụng. Diện tích 20m2/phòng.	Nằm trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (100m2)=200 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	300	2020	
1.5	Xã La Pán Tán	01	Trụ sở UBND xã (cũ), hiện có 01 phòng làm việc của Công an xã La Pán Tán và 02 phòng do đoàn thể xã sử dụng. Diện tích 20m2/phòng.	Nằm trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (60m2)=120 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	220	2020	
1.6	Xã Mỏ Dẽ	01	Trạm Y tế xã Mỏ Dẽ (cũ), hiện Công an xã Mỏ Dẽ sử dụng 01 phòng còn 04 phòng do các đoàn thể xã sử dụng. Diện tích 20m2/phòng	Nằm trong khuôn viên UBND xã	Sửa chữa (100m2)=200 triệu đồng Mua máy móc 100 triệu đồng	300	2021	

TT	Đơn vị	Số lượng	Nội dung đầu tư (Tên, địa chỉ, diện tích)	Vị trí (Cách trụ sở...)	Định mức đầu tư	Kinh phí	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Mua sắm thiết bị làm việc của các trụ sở đã được đầu tư xây dựng	02				200		
2.1	Xã Khao Mang	01	Sử dụng trụ sở của Công an đã được UBND và Công an xây dựng.		100 triệu đồng (không phải sửa chữa)	100	2020	CA cấp huyện đang quản lý, sử dụng
2.2	Xã Chế Cu Nha	01	Đã được UBND tỉnh đồng ý cấp kinh phí xây dựng trụ sở làm việc theo thông báo số 2625/UBND-XD, ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh Yên Bái (theo Đề án tăng cường đảm bảo AN-QP giai đoạn 2016 - 2020). Diện tích = 125m ² (05 phòng).		Chi cần mua trang bị 100 triệu đồng	100	2020	
3	Phương án xây mới	06				6,600		
3.1	Xã Chế Tạo, TT. Mù Cang Chải, xã Hồ Bốn, Xã Nậm Khắt, xã Púng Luống, xã Kim Nội	06	Nhà cấp III, 01 tầng, 05 phòng. Diện tích 125m ² /trụ sở		6.6 tỷ đồng	6.600		Xây dựng trong giai đoạn 2020 - 2025. Thời gian, địa điểm do Công an tỉnh khảo sát, lựa chọn.

* Định mức: Xây mới: Xây dựng 01 tỷ đồng, mua trang bị 100 triệu đồng. Tận dụng: Sửa chữa 02tr/m², mua trang bị 100 triệu đồng.